



VANLANG
UNIVERSITY

Khoa Mỹ thuật và Thiết kế

Tên chương trình: Cử nhân Thiết kế thời trang
Mã ngành: 7210404

Bản đặc tả chương trình này được thiết kế dành cho các đối tượng là sinh viên tiềm năng, sinh viên đang theo học, giảng viên, và các nhà tuyển dụng. Bản đặc tả chương trình mô tả tóm tắt về các đặc điểm chính của chương trình và các kết quả học tập mong đợi mà sinh viên có thể đạt được sau khi hoàn tất chương trình. Thông tin cụ thể về phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá, kết quả học tập mong đợi, và nội dung cho mỗi môn học có thể được tìm thấy trong bản đặc tả môn học (đề cương chi tiết) của các môn học ở đường link ở cuối văn bản. Thông tin cụ thể về các quy định của nhà trường có thể được tìm thấy trên website của Phòng đào tạo.

Bản đặc tả chương trình này áp dụng từ niên khóa: 2021-2025 (K27).

Trưởng khoa

ThS. HS. Phan Quân Dũng

BẢN ĐẶC TẢ CHƯƠNG TRÌNH PROGRAM SPECIFICATION

Faculty of Arts and Design

Title of program: Bachelor of Fashion design
Program code: 7210404

This program specification is designed for prospective students, current students, academic staff, and potential employers. It provides a summary of the programs' main features and expected learning outcomes that a typical student might achieve if he/she takes full advantage of the learning opportunities provided. Detailed information on the teaching and assessment methods, course expected learning outcomes and content can be found in the course specifications through the link at the end of this document. Detailed information on the university regulations can be found on the website of the Department of Academic Affairs.

This program specification is relevant to students entering 2021-2025 (K27).

Dean of faculty

Phan Quan Dung

Phần A		Thông tin cơ bản/Tuyển sinh	Section A		Admissions/Management Information
1	Tên chương trình:	Cử nhân Thiết kế thời trang	1	Title of program:	Bachelor of Fashion Design
2	Mã ngành:	7210404	2	Program code:	7210404
3	Bậc trình độ trong khung trình độ quốc gia Việt Nam:	Đại học - Bậc 6	3	Vietnam Qualifications Framework level of award:	Bachelor - Level 6
4	Niên khóa bắt đầu áp dụng bản đặc tả chương trình này:	2021 - 2025 (K27)	4	This program specification is relevant to students entering:	2021 - 2025 (K27) onward
5	Tên trường cấp bằng:	Đại học Văn Lang	5	Awarding institution:	Van Lang University
6	Tên khoa quản lý chương trình:	Khoa Mỹ thuật và Thiết kế	6	Administrative faculty:	Faculty of Arts and Design
7	Website của chương trình/ khoa:	- Tiếng Anh: https://mythuat.vanlanguni.edu.vn/en/academic/fashion-design-major - Tiếng Việt: https://mythuat.vanlanguni.edu.vn/vi/gioi-thieu/nganh-thiet-ke-thoi-trang	7	Website of program/faculty:	- English: https://mythuat.vanlanguni.edu.vn/en/academic/fashion-design-major - Vietnamese: https://mythuat.vanlanguni.edu.vn/vi/gioi-thieu/nganh-thiet-ke-thoi-trang
8	Tên bằng cấp:	Bằng Cử nhân Thiết kế thời trang	8	Final award title:	Bachelor of Fashion Design
9	Vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp:	- Đảm nhận các vị trí từ nhân viên thiết kế đến trưởng phòng thiết kế mẫu trang phục trong các xưởng, công ty, viện liên quan đến lĩnh vực may và thiết kế thời trang. - Đảm nhận các vị trí tư vấn phong cách thời trang cho cá nhân, tổ chức - Trợ lý cho các nhà thiết kế - Tự chủ sản xuất và kinh doanh thời trang - Vị trí phóng viên thời trang tại các cơ quan báo chí	9	Job titles of graduates:	- Fashion designer - Fashion design Modelist - Fashion Stylist. - Assistant for fashion designers. - Fashion brand founder

Phần A		Thông tin cơ bản/Tuyển sinh	Section A		Admissions/Management Information
9	Vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm nhận các vị trí trong các phòng may mẫu của các công ty may và thiết kế thời trang - Tư vấn - giảng dạy tại các trung tâm, trường cao đẳng, đại học về các lĩnh vực liên quan đến may và thiết kế thời trang. 	9	Job titles of graduates:	<ul style="list-style-type: none"> - Fashion reporter - Consulting - teaching at centers, colleges and universities in fields related to sewing and fashion design.
10	Các năng lực cốt lõi của sinh viên tốt nghiệp: (theo bộ năng lực DACUM hoặc khung năng lực nghề nghiệp quốc gia, khu vực, quốc tế)	<ul style="list-style-type: none"> A. Nghiên cứu, khảo sát B. Xây dựng ý tưởng C. Thiết kế D. Sử dụng công nghệ, chất liệu, công cụ ngành thiết kế thời trang E. Phát triển thị trường F. Quản lý dự án G. Quan hệ người và người H. Năng lực cá nhân I. Phẩm chất - Thái độ - Hành vi 	10	Competency of program graduates: (according to the DACUM competency set or national, regional or international professional competency framework)	<ul style="list-style-type: none"> A. Research, Survey B. Brainstorming ideas C. Design D. Technology, materials and tools of the fashion design industry E. Market development F. Project management G. Human-to-human relations H. Personal capacity I. Quality - Attitude - Behavior
11	Phương thức tuyển sinh: (theo quy định của Bộ GDĐT và nhà trường)	<p>Nhà trường tuyển sinh theo các phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi THPT Quốc gia 2020 + kết quả điểm thi năng khiếu - Phương thức 2: Xét tuyển qua học bạ THPT + kết quả điểm thi năng khiếu - Phương thức 3: Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực đại học Quốc gia TP.HCM + kết quả điểm thi năng khiếu - Phương thức 4: Xét tuyển thẳng + kết quả điểm thi năng khiếu 	11	Admission criteria: (according to the regulations of the Ministry of Education and Training, and of university)	<p>The university recruit students using the following selection methods:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Selection method 1: Admission test results of National High School Exam 2020 + results of aptitude test. - Selection method 2: Admission through high school transcript + aptitude test result. - Selection method 3: Admission test results of the National University Competency Assessment. - Selection method 4: Direct admission + aptitude test result.
12	Phương thức đào tạo:	<ul style="list-style-type: none"> - Số tín chỉ: 135 tín chỉ - Độ dài chương trình: 4 năm 	12	Length of program and mode of study:	<ul style="list-style-type: none"> - Number of credits: 135 credits - Length of program: 4 years

Phần A		Thông tin cơ bản/Tuyển sinh	Section A		Admissions/Management Information
12	Phương thức đào tạo:	<ul style="list-style-type: none"> - Loại hình đào tạo: trực tiếp tại trường - Các thời điểm tiếp nhận sinh viên: tháng 9 	12	Length of program and mode of study:	<ul style="list-style-type: none"> - Mode: face-to-face (campus-based) - Start month(s): 9
13	Ngôn ngữ dạy và học:	Tiếng Việt	13	Language of delivery:	Vietnamese
14	Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên theo thang điểm 4 - Có chứng chỉ/ trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu do Trường quy định, có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng; Có kết quả đạt học phần Giáo dục thể chất - Hoàn thành SỔ HÀNH TRÌNH SINH VIÊN (Passport) - Tham gia 01 công trình nghiên cứu khoa học sinh viên 	14	Graduation requirements:	<ul style="list-style-type: none"> - Not being prosecuted for criminal responsibility or not being disciplined at the level of study suspension until graduation. - Attend enough courses and training programs. - The GPA of the whole course is 2.00 or higher on a scale of 4. - Having a certificate/ satisfactory foreign language level prescribed by the University, a certificate of National Defense Education is required. Achieved the results of the Physical Education course. - Complete the Student Journey Book (Passport). - Participate in a student scientific research project
15	Chuyển ngành, cơ hội học tập lên bậc cao hơn, lấy các chứng chỉ chuyên môn và chứng chỉ hành nghề:	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách chuyển ngành: Trong nội bộ trường: Sau 1 năm học, sinh viên cảm thấy không phù hợp với ngành học của mình, có thể làm đơn xin chuyển ngành với điều kiện: Điểm đầu vào có cùng hình thức xét tuyển (học bạ, THPTQG), Điểm phải bằng hoặc cao hơn ngành có nguyện vọng chuyển sang, và trong năm học qua sinh viên không nợ môn nào 	15	Transfer to and from other programs, opportunities for further education, opportunities to acquire additional professional licenses and certificates:	<ul style="list-style-type: none"> - Transfer policy: Within the University: After a year of study, students who feel that they are not suitable for their major can apply to change majors with the following conditions: The entry points are in the same form of admission (records, national high schools). The score must be equal to or higher than the major they want to transfer to, and the student has not owed any subjects in the past year.

Phần A		Thông tin cơ bản/Tuyển sinh	Section A		Admissions/Management Information
15	Chuyển ngành, cơ hội học tập lên bậc cao hơn, lấy các chứng chỉ chuyên môn và chứng chỉ hành nghề:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ hội học tập lên bậc cao hơn: Khi hoàn tất chương trình Thiết kế Thời trang, sinh viên có thể tiếp tục học ở bậc cao hơn như Thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng, Thạc sĩ Phê bình và lý luận nghệ thuật. - Cơ hội lấy chứng chỉ chuyên môn và chứng chỉ hành nghề: Chương trình học tạo điều kiện cho sinh viên lấy các chứng chỉ nghề mở rộng kiến thức, các chứng chỉ của các tổ chức nghiệp đoàn, hoặc các tổ chức chuyên môn của ngành thiết kế. Ngành nghề không có yêu cầu về các chứng chỉ hành nghề. 	15	Transfer to and from other programs, opportunities for further education, opportunities to acquire additional professional licenses and certificates:	<ul style="list-style-type: none"> - Opportunities for further education: Upon completion of the Fashion Design program, students can go on to further study such as Master of Applied Fine Arts, Master of Art Criticism and Theory. - Opportunities to acquire additional professional licenses and certificates: The program allows students to earn vocational certificates that extend their knowledge, certifications from trade unions or professional organisations of the design industry. The profession has no requirements for certificates.
16	Đảm bảo chất lượng:	<ul style="list-style-type: none"> - Các bên liên quan của chương trình: nhà nước, nhà tuyển dụng, người giỏi nghề, cựu sinh viên, nhà trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, giảng viên, và sinh viên - Cơ chế lấy ý kiến phản hồi: Nghiên cứu tài liệu, phương pháp DACUM, khảo sát bằng phiếu hỏi - Các mục tiêu chất lượng: Mục tiêu 1: Cải tiến liên tục hệ thống quản trị chất lượng tổng thể <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Củng cố cơ cấu tổ chức ĐBCL của nhà trường 1.2. Nâng cao năng lực đội ngũ thực hiện ĐBCL 1.3. Tiếp tục triển khai chính sách ĐBCL 	16	Academic quality assurance:	<ul style="list-style-type: none"> - Program stakeholders: the government, employers, experts, alumni, the university, Ministry of Education and Training, lecturers, and students - Feedback mechanism: document research, DACUM workshops, survey - Quality goals: Objective 1: Continuously improve the quality assurance system <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Strengthen the organizational structure of Quality Assurance System of the university 1.2. Develop professional capabilities of staff within the Quality Assurance System 1.3. Continue to implement quality assurance policies

Phần A		Thông tin cơ bản/Tuyển sinh	Section A		Admissions/Management Information
16	Đảm bảo chất lượng:	<p>1.4 Xây dựng Hệ thống đánh giá nội bộ của Trường</p> <p>Mục tiêu 2: Chuẩn hóa các hoạt động theo bộ tiêu chuẩn chất lượng của AUN-QA</p> <p>2.1. Nâng cao năng lực quản trị đại học cho cán bộ lãnh đạo và quản lý theo chuẩn tiên tiến</p> <p>2.2. Cải tiến Chương trình đào tạo</p> <p>2.3. Cải tiến công tác hỗ trợ sinh viên</p> <p>2.4. Tăng cường hợp tác quốc tế</p> <p>2.5. Phát triển nhân sự</p> <p>2.6. Tối ưu hóa và hiện đại hóa cơ sở vật chất và các điều kiện học tập</p> <p>Mục tiêu 3: Kiểm định đạt chuẩn theo các bộ tiêu chuẩn chất lượng quốc gia, khu vực và quốc tế</p> <p>3.1. Kiểm định theo chuẩn MOET hoặc quốc tế cấp cơ sở đào tạo</p> <p>3.2. Kiểm định theo chuẩn AUN-QA/FIBAA/AQAS cấp chương trình</p> <p>- Các chứng chỉ kiểm định đã đạt chuẩn Quốc gia ở cấp trường, cấp chương trình: Cơ sở giáo dục được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia số CSGD2018.07/CEA-AVU&C theo Quyết định 85/QĐ-KĐCLGD ngày 11.05.2018</p>	16	Academic quality assurance	<p>1.4 Develop the university's Internal Evaluation System</p> <p>Objective 2: Standardize activities based on AUN-QA's quality criteria</p> <p>2.1. Improve the administrative capabilities of for leaders and managers of VLU, based on modern standards</p> <p>2.2. Improve educational programs</p> <p>2.3. Improve student support services</p> <p>2.4. Strengthen international cooperation</p> <p>2.5. Plan for staff development</p> <p>2.6. Optimize and modernize VLU's facilities and learning environment</p> <p>Objective 3: Register for accreditation for national, regional, and international quality standards</p> <p>3.1. Register for institution-level accreditation based on MOET or international standards</p> <p>3.2. Register for program-level accreditation based on AUN-QA/FIBAA/AQAS standards</p> <p>- National accreditation at institutional and program level: VLU was granted the National Education Quality Accreditation Certificate No. CSGD2018.07/CEA-AVU&C according to Decision 85/QD-KDCLGD dated May 11, 2018</p>

Phần A		Thông tin cơ bản/Tuyển sinh	Section A		Admissions/Management Information
16	Đảm bảo chất lượng:	- Các chứng chỉ kiểm định đã đạt chuẩn quốc tế ở cấp trường, cấp chương trình: QS 4 stars (2021)	16	Academic quality assurance:	- National accreditation at institutional and program level: VLU was granted the National Education Quality Accreditation Certificate No. CSGD2018.07/CEA-AVU&C according to Decision 85/QD-KDCLGD dated May 11, 2018
17	Lãnh đạo chương trình và cán bộ hỗ trợ tuyển sinh:	- Giám đốc/Trưởng chương trình: <i>Thạc sĩ Lê Thị Thanh Nhan</i> DD: 0938471152 Email: nhan.ltt@vlu.edu.vn - Chuyên viên phụ trách tư vấn tuyển sinh: <i>Thạc sĩ Nguyễn Thị Liên</i> Số điện thoại: 0904741750 Email: lien.nt@vlu.edu.vn	17	Program leaders and recruitment support staff: (Contact information such full names, titles, emails, and phone number)	- Program manager: <i>Master Le Thi Thanh Nhan</i> Mobile no.: +84 938471152 E-mail: nhan.ltt@vlu.edu.vn - Student recruitment specialist: <i>Master Nguyen Thi Lien</i> Mobile no.: +84 904741750 E-mail: lien.nt@vlu.edu.vn

Phần B		Thông tin chi tiết về chương trình	Section B		Detailed program information
18	Bối cảnh của chương trình (các mối liên kết trong và ngoài nước của chương trình, sinh viên quốc tế)	Chương trình thiết kế Thời trang được xây dựng trên quan điểm kết nối và hợp tác. Phát triển các mối quan hệ hợp tác, giao lưu trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, tài nguyên với doanh nghiệp. Tiếp cận các nhu cầu cần thiết của doanh nghiệp về mặt nhân sự thiết kế, trao đổi về nhu cầu thị trường thực tế để định hướng xây dựng ctdt cũng như hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên tốt nghiệp. Học tập các ctdt từ các trường đại học quốc tế. Thông qua các hoạt động hội thảo quốc tế, workshop, triển lãm thường niên với các đối tác là các trường ĐH các nước như Hàn Quốc, Thái Lan, Lào, ...Hiện nay ngành thiết Thời trang của Văn Lang có chương trình giới thiệu tác phẩm của sinh viên văn lang tham dự triển lãm quốc tế tại Hàn quốc.	18	Internationalization/ globalization	The Fashion Design program is built on a connection and collaboration perspective. Develop cooperative relationships, exchange knowledge, experience and resources with businesses. Approaching the necessary needs of enterprises in terms of design personnel, discussing actual market needs to orientate building cred as well as assisting in job research for graduates. Study courses from international universities. Through international seminars, workshops and annual exhibitions with partners who are universities in countries such as Korea, Thailand, Laos, etc. Currently, Van Lang's fashion design department has an introductory program. Works of students of literature participating in international exhibitions in Korea. There is 1 international student: International student from Laos, K26.
19	Mục tiêu giáo dục của chương trình (PEOs)	Một vài năm sau khi tốt nghiệp, người tốt nghiệp có thể: - PEO 1: Vận dụng nền tảng kiến thức về văn hoá, mỹ thuật và các kỹ năng thuộc chuyên ngành TKTT vào các công việc thiết kế Thời trang một cách chuyên nghiệp, thể hiện đạo đức nghề nghiệp đúng mực.	19	Program leaders and recruitment support staff: (Contact information such full names, titles, emails, and phone number)	A few years after graduation, graduates will be able to: - PEO 1: Applying knowledge of culture, fine arts and skills in the field of Fashion Design to fashion design jobs in a professional manner, demonstrating proper professional ethics.

Phần B		Thông tin chi tiết về chương trình	Section B		Detailed program information
19	Mục tiêu giáo dục của chương trình (PEOs)	<ul style="list-style-type: none"> - PEO 2: Vận dụng tốt kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo để phát triển khả năng giao tiếp và kỹ năng lãnh đạo trong các nhóm đa chức năng, đa văn hoá và thích ứng với những thay đổi mang tính thời đại trong lĩnh vực thiết kế thời trang. - PEO 3: Có tinh thần cầu tiến và học hỏi, đam mê nghệ thuật và học tập suốt đời. Tôn trọng sự khác biệt và sự đa dạng trong văn hoá và luôn hướng đến việc nâng cao trình độ thẩm mỹ của con người, làm việc vì lợi ích của cộng đồng và xã hội. 	19	Program leaders and recruitment support staff: (Contact information such full names, titles, emails, and phone number)	<ul style="list-style-type: none"> - PEO 2: Apply problem-solving, systems thinking and creative thinking skills to develop communication and leadership skills in cross-functional, cross-cultural and adaptive teams. Epochal changes in the field of fashion design. - PEO 3: A spirit of growth and learning, a passion for the arts and lifelong learning. Respect the differences and diversity in culture and always aim to improve the aesthetic level of people, work for the benefit of the community and society.
20	Đối sánh quốc gia, quốc tế: (Đối sánh với các chương trình quốc gia và quốc tế, các chuẩn quốc tế như AACSB, ABET, NASAD, AHLEI...)	<ul style="list-style-type: none"> - Các chương trình nước ngoài: Bachelor of Art (Hons) Fashion, Kingston School of Art, Kingston University London Program, Bachelor of Design in Fashion and Textiles, University of Technology Sydney Program. - Các chương trình trong nước: CTĐT Cử nhân Thiết Kế Thời Trang trường Đại học Hoa Sen, CTĐT Cử nhân Thiết Kế Thời Trang trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp HCM - Chuẩn quốc tế: QS Star 4 sao 	20	Benchmarking: <i>(Benchmarked with domestic and international programs, international standards such as AACSB, ABET, NASAD, AHLEI, etc.)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - International programs: Bachelor of Art (Hons) Fashion, Kingston School of Art, Kingston University London Program, Bachelor of Design in Fashion and Textiles, University of Technology Sydney Program. - Domestic programs: Bachelor of Fashion Design, Hoa Sen University Program, Bachelor of Fashion Design, University of Technology and Education Ho Chi Minh City Program - International standard(s): QS Star 4 stars.

Phần B Thông tin chi tiết về chương trình			Section B Detailed program information		
21	Kết quả học tập mong đợi của chương trình (PLOs): <i>Sau khi hoàn thành chương trình học, sinh viên có thể:</i>		21	Program learning outcomes (PLOs): <i>After successful completion of the program, students are able to:</i>	
K-S-A	PLOs	Sub PLOs	K-S-A	Program Learning Outcomes (PLOs)	Program Performance Criteria (PPC)
Kiến thức	PLO 1: Áp dụng các kiến thức về chính trị, luật pháp, văn hoá, kinh tế, xã hội, mỹ học, tâm lý và con người vào ngành Thiết kế Thời trang.	1.1 Áp dụng các kiến thức về chính trị, luật pháp vào ngành Thiết kế thời trang. 1.2 Áp dụng các kiến thức về văn hoá, kinh tế, xã hội vào ngành Thiết kế thời trang. 1.3 Áp dụng các kiến thức về mỹ học, tâm lý và con người vào ngành Thiết kế thời trang.	Knowledg	PLO1: Apply knowledge of politics, law, culture, economy, society, aesthetics, psychology and people to Fashion Design.	1.1 Apply knowledge of politics and law to fashion design industry. 1.2. Apply knowledge of culture, economy and society to the fashion design industry. 1.3. Apply knowledge of aesthetics, psychology and people to Fashion Design industry.
	PLO 2: Xây dựng và phát triển ý tưởng thiết kế dựa trên sự phối hợp chặt chẽ nền tảng kiến thức lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn.	2.1 Đưa ra các ý tưởng cho thiết kế phù hợp với bối cảnh. 2.2 Vận dụng các phương pháp phát triển giải pháp để tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.		PLO 2: Building and developing design ideas based on close coordination of theoretical knowledge and practical experience.	2.1 Generate ideas for design that are relevant to the context. 2.2 Apply solution development methods to create products that meet market needs.
	PLO 3: Phát triển các sản phẩm Thời trang đáp ứng các yêu cầu thị trường và xu hướng thẩm mỹ đương đại trong bối cảnh quốc gia và quốc tế của ngành Thiết kế Thời trang.	3.1 Xác định các yếu tố trong hệ thống thiết kế như đối tượng người dùng, mục đích sử dụng sản phẩm, xu hướng thị trường, định vị thương hiệu,... 3.2 Vận dụng các phương pháp thiết kế thời trang để thể hiện hiệu quả ý tưởng thiết kế.		PLO 3: Develop Fashion products that respond to market requirements and contemporary aesthetic trends in the national and international context of the Fashion Design industry.	3.1 Identify elements in the design system such as user, product use purposes, market trends, brand positioning, etc. 3.2 Apply fashion design methods to effectively express design ideas.

Phần B Thông tin chi tiết về chương trình			Section B Detailed program information		
21	Kết quả học tập mong đợi của chương trình (PLOs): <i>Sau khi hoàn thành chương trình học, sinh viên có thể:</i>		21	Program learning outcomes (PLOs): <i>After successful completion of the program, students are able to:</i>	
K-S-A	PLOs	Sub PLOs	K-S-A	Program Learning Outcomes (PLOs)	Program Performance Criteria (PPC)
Kỹ năng	PLO 4: Vận dụng thành thạo những kỹ năng hội họa cơ bản và những kỹ năng chuyên sâu về thiết kế thời trang vào sản phẩm thiết kế.	4.1 Vận dụng thành thạo những kỹ năng hội họa cơ bản vào sản phẩm thiết kế. 4.2 Vận dụng thành thạo những kỹ năng chuyên sâu về thiết kế thời trang như thiết kế, cắt may, lựa chọn nguyên phụ.	Skills	PLO 4: Proficiently apply basic painting skills and specialized skills in fashion design to design products.	4.1 Proficiently apply basic painting skills to design products. 4.2 Proficiently applying specialized skills in fashion design such as designing, cutting and sewing, choosing materials, etc., to design products.
	PLO 5: Vận dụng tốt tư duy phản biện, tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề trong các bối cảnh đa dạng.	5.1 Áp dụng các cách tiếp cận phù hợp trong quá trình thu thập, phân tích và xử lý thông tin. 5.2 Lựa chọn phương án giải quyết vấn đề phù hợp với mục tiêu. 5.3 Thử nghiệm và đánh giá hiệu quả của các giải pháp, điều chỉnh cho đến khi đạt mục tiêu.		PLO 5: Apply critical thinking, systems thinking, creative thinking and problem-solving skills in diverse contexts.	5.1 Apply appropriate approaches to the information collection, analysis and processing. 5.2 Select a problem-solving plan suitable to the goal. 5.3 Test and evaluate the effectiveness of solutions and adjust until the goal is reached..
	PLO 6: Phối hợp tốt với nhóm cả trong vai trò là một nhà lãnh đạo hay một thành viên trong nhóm.	6.1 Lập kế hoạch làm việc của nhóm một cách khoa học. 6.2 Phối hợp làm việc với nhóm một cách hiệu quả. 6.3 Quản lý nhóm làm việc, đánh giá hiệu quả và cải tiến chất lượng làm việc nhóm cho đến.		PLO 6: Coordinate well with the team both as a leader and as a team member.	6.1 Plan the team's work in a scientific way. 6.2 Collaborate effectively with the team. 6.3 Manage the working group, evaluate the effectiveness and improve the quality of teamwork until the goal is achieved.

Phần B Thông tin chi tiết về chương trình			Section B Detailed program information		
21	Kết quả học tập mong đợi của chương trình (PLOs): <i>Sau khi hoàn thành chương trình học, sinh viên có thể:</i>		21	Program learning outcomes (PLOs): <i>After successful completion of the program, students are able to:</i>	
K-S-A	PLOs	Sub PLOs	K-S-A	Program Learning Outcomes (PLOs)	Program Performance Criteria (PPC)
Kỹ năng	PLO 7: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hoá; đạt chuẩn tiếng anh theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.	7.1 Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan. 7.2 Sử dụng tiến	Skills	PLO 7: Communicate effectively orally, in writing and in multimedia with stakeholders in a diverse and multicultural environment; English standards as required by the Ministry of Education and Training.	7.1. Communicate effectively orally, in writing and in multimedia with stakeholders. 7.2. English level has to reach B1 level.
	PLO 8: Sử dụng thành thạo công nghệ hiện đại phục vụ thiết kế thời trang và các công việc liên quan.	8.1 Vận dụng thành thạo các công cụ kỹ thuật số hỗ trợ truyền thông, xây dựng hình ảnh. 8.2 Vận dụng tích hợp các công nghệ sản xuất trong sản xuất các sản phẩm thiết kế thời trang. 8.3 Sử dụng thành thạo các phần mềm công nghệ chuyên ngành thiết kế thời trang và các phần mềm hỗ trợ khác.		PLO 8: Utilize modern technology for design works in the field of Fashion Design.	8.1. Proficiently applying digital tools to support communication and image building. 8.2. Integrating technologies in the production of fashion design products. 8.3. Utilize specialized technology software in fashion design and other supporting software.

Phần B Thông tin chi tiết về chương trình			Section B Detailed program information		
21	Kết quả học tập mong đợi của chương trình (PLOs): <i>Sau khi hoàn thành chương trình học, sinh viên có thể:</i>		21	Program learning outcomes (PLOs): <i>After successful completion of the program, students are able to:</i>	
K-S-A	PLOs	Sub PLOs	K-S-A	Program Learning Outcomes (PLOs)	Program Performance Criteria (PPC)
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	PLO 9: Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng sở hữu trí tuệ, thể hiện ý thức phục vụ cộng đồng, bảo vệ môi trường sống và sự phát triển bền vững.	9.1 Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng sở hữu trí tuệ và tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ trong thiết kế thời trang. 9.2 Thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững.	Attitude	PLO 9: Maintain professional ethics, respect intellectual property, demonstrating a sense of social responsibility, protect the living environment and sustainable development.	9.1. Maintain professional ethics, respect intellectual property and comply with the provisions of the law on intellectual property in Fashion Design. 9.2. Implement social responsibility for environmental protection and sustainable development.
	PLO 10: Định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện nhu cầu và sự sẵn sàng tham gia học tập suốt đời, tích cực đổi mới bản thân và có ý chí khởi nghiệp.	10.1 Đề ra mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho việc phát triển sự nghiệp. 10.2 Sẵn sàng học tập để nâng cao năng lực và phát triển bản thân khi có cơ hội. 10.3 Sẵn sàng khởi nghiệp.		PLO 10: Orientation for a clear future, demonstrate the need and willingness to engage in lifelong learning, actively innovate, and have the will to start a business.	10.1. Set a short-term and long-term goals for career development. 10.2. Willing to improve capacity and develop self when given the opportunity. 10.3. Ready to start a business.

Phần C		Dạy và học chương trình	Section C		Teaching/learning methods and strategies
22	Triết lý giáo dục của nhà trường:	Đạo đức - Ý chí - Sáng tạo	22	Educational philosophy of the university:	Morality - Will - Creativity
23	Triết lý giáo dục của khoa/chương trình:	Học thông qua trải nghiệm	23	Educational philosophy of the faculty/program:	Learning by doing
24	Cách tiếp cận dạy và học: (<i>Mô hình dạy học, phương pháp giảng dạy</i>)	Flipped class Blended learning Project based learning	24	Teaching and learning paradigm:	Flipped class Blended learning Project based learning
25	Đánh giá sinh viên: (<i>Đánh giá đầu vào, đánh giá tiến trình và đầu ra</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá đầu vào: trên cơ sở điểm tuyển sinh theo các phương thức, - Đánh giá quá trình: Đánh giá quá trình thông qua các môn học bằng các hình thức như thi trắc nghiệm và/hoặc tự luận; thuyết trình; làm đồ án; dự án; tiểu luận; Đối với ngành Thiết kế Thời trang, đa phần là các đồ án chuyên ngành - Đánh giá đầu ra: đồ án tốt nghiệp, và điểm tích lũy tổng số tín chỉ sinh viên đạt được trong suốt quá trình học tập. 	25	Student assessment:	<ul style="list-style-type: none"> - Entry assessment: university admission using 4 methods - Progress assessment: Access progress through coursework in forms such as multiple-choice exams and/or essays; presentation; finish a project; essay; For the Fashion Design department, most of them are specialised projects. - Exit assessment: Graduation project, and the cumulative score of the total number of credits earned by students during their studies.
26	Cơ chế theo dõi và đánh giá quá trình đạt PLOs của sinh viên:	<p>Chương trình đánh giá việc đạt được PLOs của sinh viên trong suốt quá trình học tập và ở đầu ra bằng các phương pháp đa dạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá qua môn học: PLOs được chuyển tải vào CLOs của môn học và đánh giá việc đạt được CLOs của sinh viên. - Đánh giá qua kỳ thực tập: PLOs được chuyển tải thành tiêu chí đánh giá thực tập. 	26	Mechanism to establish and monitor achievement of program outcomes:	<p>The program assesses students' achievement of PLOs throughout and at the end of their studies using a variety of methods:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Assessment through the courses: PLOs are transferred into the CLOs of the courses and assess the students' achievement of the CLOs. - Evaluation through the internship(s): PLOs are translated into the criteria for assessing the internship(s).

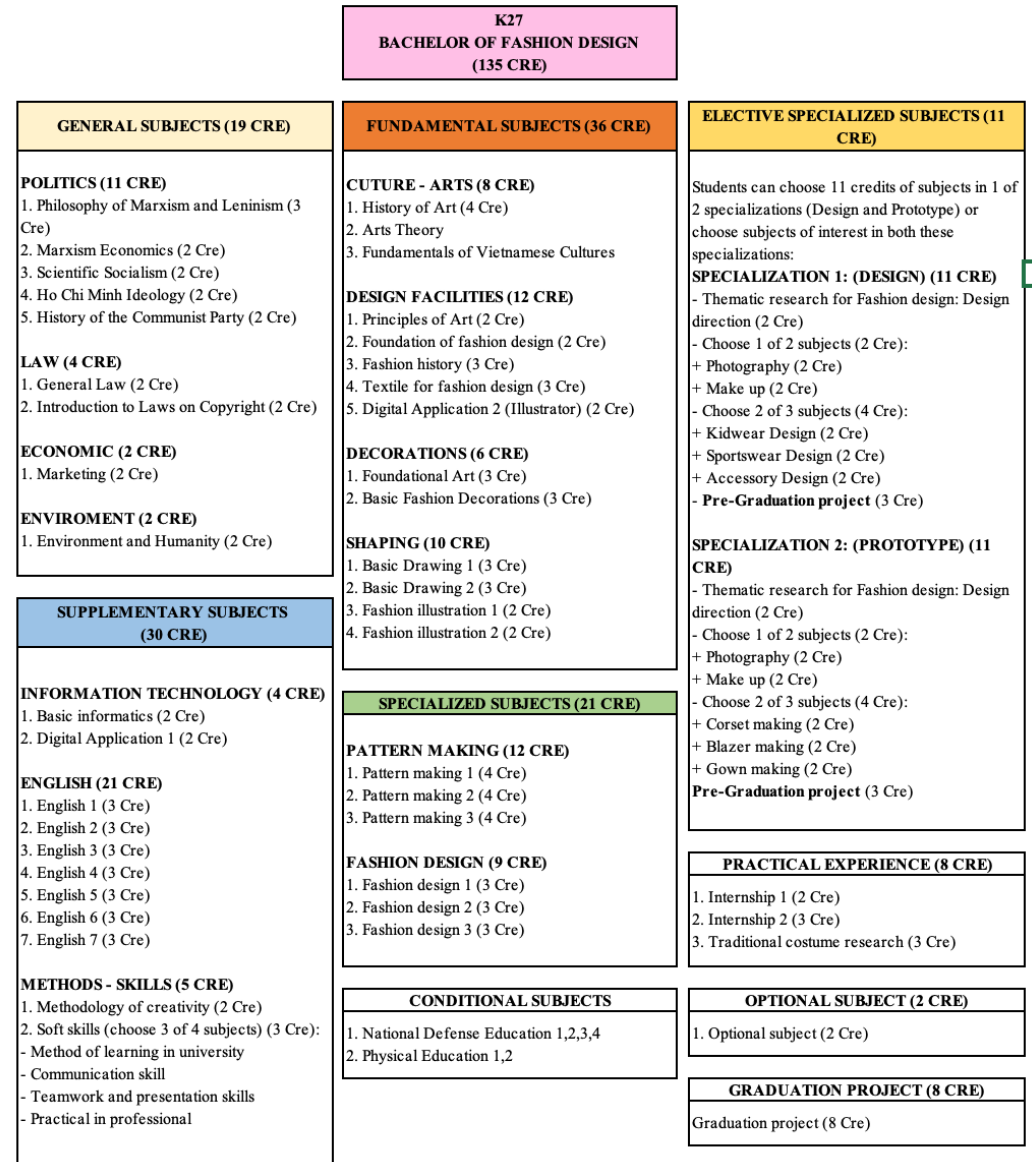
27 Tóm tắt về cấu trúc và nội dung chương trình:
(Sơ đồ block các môn học)

K27 CỬ NHÂN THIẾT KẾ THỜI TRANG (135 TC)	
CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG (19 TC)	CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH (36 TC)
<p>CHÍNH TRỊ (11 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Triết học Mác Lê nin (3 TC) 2. Kinh tế chính trị Mác Lê Nin (2 TC) 3. CNXH Khoa học (2 TC) 4. Tư Tưởng Hồ Chí Minh (2 TC) 5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 TC) <p>PHÁP LUẬT (4 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật đại cương (2 TC) 2. Luật sở hữu trí tuệ (2 TC) <p>KINH TẾ (2 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Marketing (2 TC) <p>MÔI TRƯỜNG (2 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Môi trường và con người (2 TC) 	<p>VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT (8 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lịch sử mỹ thuật (4 TC) 2. Nghệ thuật học (2 TC) 3. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 TC) <p>CƠ SỞ THIẾT KẾ (12 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở tạo hình mỹ thuật (2 TC) 2. Cơ sở thiết kế thời trang (2 TC) 3. Lịch sử thời trang (3 TC) 4. Vật liệu may (3 TC) 5. Tin học ứng dụng 2 (illustrator) (2 TC) <p>TRANG TRÍ (6 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trang trí cơ bản (3 TC) 2. Trang trí cơ sở ngành TKTT (3 TC) <p>TẠO HÌNH (10 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hình họa 1 (3 TC) 2. Hình họa 2 (3 TC) 3. Diễn họa thời trang 1 (2 TC) 4. Diễn họa thời trang 2 (2 TC)
CÁC MÔN BỔ TRỢ (30 TC)	CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH (21 TC)
<p>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (4 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tin học cơ bản (2 TC) 2. Tin học ứng dụng 1 (2 TC) <p>NGOẠI NGỮ (21 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếng Anh 1 (3 TC) 2. Tiếng Anh 2 (3 TC) 3. Tiếng Anh 3 (3 TC) 4. Tiếng Anh 4 (3 TC) 5. Tiếng Anh 5 (3 TC) 6. Tiếng Anh 6 (3 TC) 7. Tiếng Anh 7 (3 TC) <p>PHƯƠNG PHÁP - KỸ NĂNG (5 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phương pháp sáng tạo (2 TC) 2. Các kỹ năng mềm (chọn 3 trong 4 môn) (3 TC): <ul style="list-style-type: none"> o Kỹ năng học đại học o Kỹ năng giao tiếp o Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình o Kỹ năng nghề nghiệp 	<p>KỸ THUẬT CẮT MAY (12 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ thuật cắt may 1 (4 TC) 2. Kỹ thuật cắt may 2 (4 TC) 3. Kỹ thuật cắt may 3 (4 TC) <p>THIẾT KẾ THỜI TRANG (9 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thiết kế thời trang 1 (3 TC) 2. Thiết kế thời trang 2 (3 TC) 3. Thiết kế thời trang 3 (3 TC)
	CÁC MÔN ĐIỀU KIỆN
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4 2. Giáo dục thể chất 1, 2
	ĐỊNH HƯỚNG TỰ CHỌN (11 TC)
	<p>SV có thể chọn 10 TC các môn học theo 1 trong 2 hướng chuyên sâu (THIẾT KẾ và TẠO MẪU) hoặc chọn các môn học theo sở thích thuộc cả 2 hướng chuyên sâu này:</p> <p>CHUYÊN SÂU 1: (THIẾT KẾ) (11 TC)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nghiên cứu chuyên đề thời trang: Hướng thiết kế (2TC) • Chọn 1 trong 2 môn (2 TC): <ul style="list-style-type: none"> o Nhiếp ảnh (2 TC) o Nghệ thuật trang điểm (2 TC) • Chọn 2 trong 3 môn (4 TC): <ul style="list-style-type: none"> o Thiết kế trang phục Trẻ em (2 TC) o Thiết kế trang phục Thể thao (2 TC) o Thiết kế Phụ trang (2 TC) • Đồ án tiền tốt nghiệp (3 TC) <p>CHUYÊN SÂU 1: (TẠO MẪU) (11 TC)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nghiên cứu chuyên đề thời trang: Hướng thiết kế (2 TC) • Chọn 1 trong 2 môn (2 TC): <ul style="list-style-type: none"> o Nhiếp ảnh (2 TC) o Nghệ thuật trang điểm (2 TC) • Chọn 2 trong 3 môn (4 TC): <ul style="list-style-type: none"> o Tạo mẫu Corset (2 TC) o Tạo mẫu Blazer (2 TC) o Tạo mẫu trang phục Dạ hội (2 TC) • Đồ án tiền tốt nghiệp (3 TC)
	TRẢI NGHIỆM THỰC TIỄN (8 TC)
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kiến tập nhận thức nghề (2 TC) 2. Thực tập tốt nghiệp (3 TC) 3. Nghiên cứu trang phục Truyền thống (3 TC)
	TỰ CHỌN TỰ DO (2 TC)
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tự chọn liên ngành liên khoa (2 TC)
	ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP (8 TC)
	Đồ án tốt nghiệp (8 TC)

Selection C

Teaching/learning methods and strategies

27 Program structure and content:
(Block diagram of courses)



Phần C Dạy và học chương trình				Section C Teaching/learning methods and strategies			
29	Chương trình phân bổ theo các học kỳ: (theo học kỳ)			29	Sample study plan (by semester)		
HỌC KỲ 1				SEMESTER 1			
STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	NO.	Course number	Course title	Credits
1	71POLP10013	Triết học Mác - Lênin	3	1	71POLP10013	Philosophy of Marxism and Leninism	3
2		Giáo dục thể chất (I)		2		Physical Education (I)	
3	71ENG110013	Anh Văn 1	3	3	71ENG110013	English 1	3
4	71SSK120011	Kỹ năng mềm 1: Kỹ năng học đại học	1	4	71SSK120011	Method of learning in university	1
5	71SSK220021	Kỹ năng mềm 2: Kỹ năng giao tiếp	1	5	71SSK220021	Communication skill	1
6	71SSK320031	Kỹ năng mềm 3: Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình	1	6	71SSK320031	Teamwork and presentation skills	1
7	71SSK420041	Kỹ năng mềm 4: Kỹ năng nghề nghiệp	1	7	71SSK420041	Practical in professional	1
8	71INFB10012	Tin học căn bản	2	8	71INFB10012	Basic informatics	2
9	71PART20012	Cơ sở tạo hình mỹ thuật	2	9	71PART20012	Principles of Art	2
10	71INTE30012	Kiến tập nhận thức nghề	2	10	71INTE30012	Internship 1	2
Tổng/ Total			16	Tổng/ Total			16

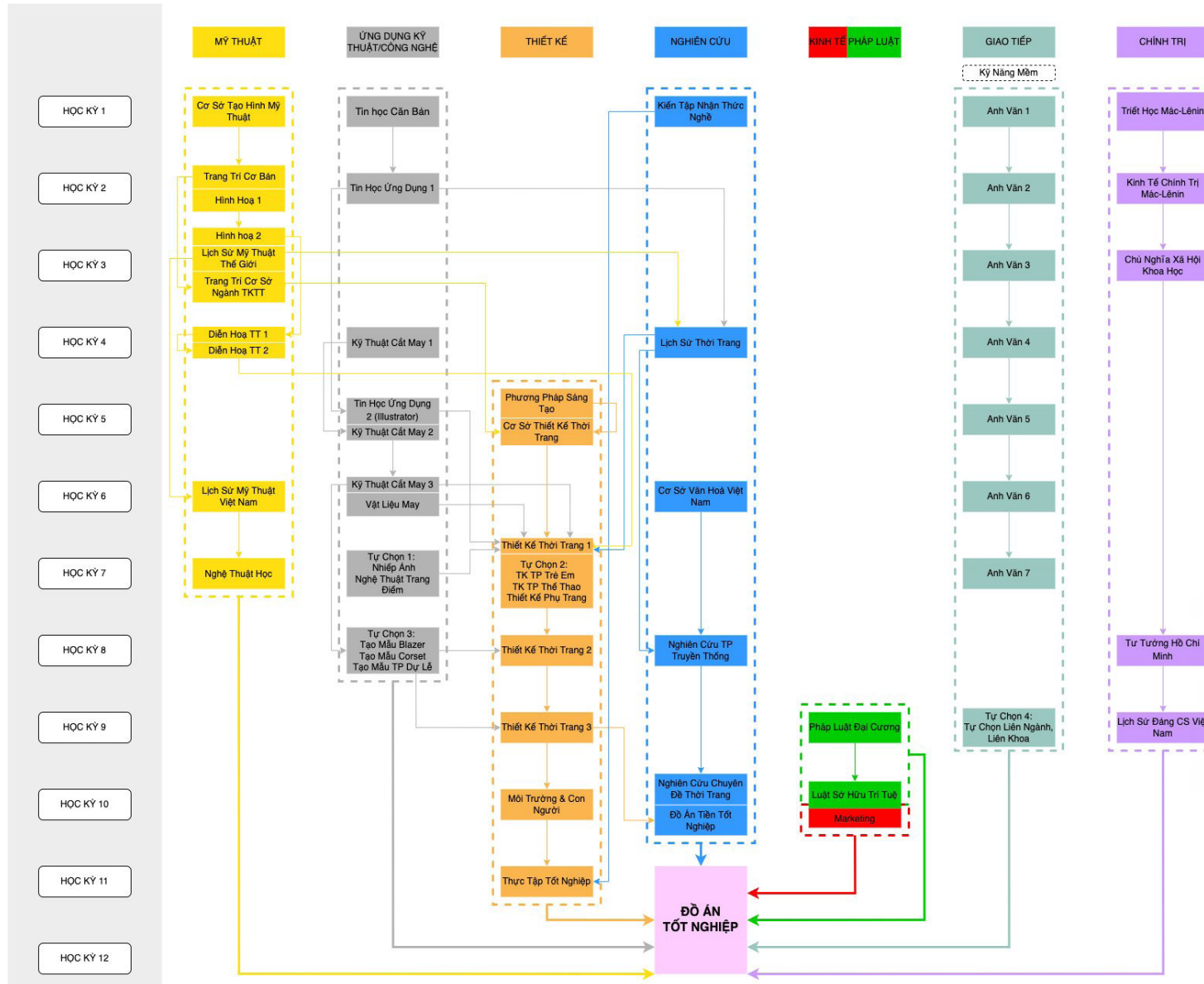
Phần C Dạy và học chương trình				Section C Teaching/learning methods and strategies			
29	Chương trình phân bổ theo các học kỳ: (theo học kỳ)			29	Sample study plan (by semester)		
HỌC KỲ 2				SEMESTER 2			
STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	NO.	Course number	Course title	Credits
1	71POLE10022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1	71POLE10022	Marxism Economics	2
2		Giáo dục thể chất (II)		2		Physical Education (II)	
3	71ENG210023	Anh Văn 2	3	3	71ENG210023	English 2	3
4	71FART20013	Trang trí cơ bản	3	4	71FART20013	Foundational Art	3
5	71DRA120013	Hình hoạ 1	3	5	71DRA120013	Basic Drawing 1	3
6	71DGAP20012	Tin học ứng dụng (I)	2	6	71DGAP20012	Digital Application 1	2
Tổng			13	Total			13
HỌC KỲ 3				SEMESTER 3			
STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	NO.	Course number	Course title	Credits
1	71POLS10032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1	71POLS10032	Scientific Socialism	2
2	71NAD110013	Giáo dục quốc phòng 1 (LT)		2	71NAD110013	National Defense Education 1	
3	71NAD210022	Giáo dục quốc phòng 2 (LT)		3	71NAD210022	National Defense Education 2	
4	71NAD310032	Giáo dục quốc phòng 3 (TH)		4	71NAD310032	National Defense Education 3	
5	71NAD410044	Giáo dục quốc phòng 4 (TH)		5	71NAD410044	National Defense Education 4	
6	71ENG310033	Anh Văn 3	3	6	71ENG310033	English 3	3
7	71DRA220023	Hình hoạ 2	3	7	71DRA220023	Basic Drawing 2	3
8	71BAFD30013	Trang trí cơ sở ngành thiết kế thời trang	3	8	71BAFD30013	Basic Fashion Decorations	3
9	71HOWA20012	Lịch sử mỹ thuật thế giới	2	9	71HOWA20012	History of Art	2
Tổng			13	Total			13

Phần C Dạy và học chương trình				Section C Teaching/learning methods and strategies			
29	Chương trình phân bổ theo các học kỳ: (theo học kỳ)			29	Sample study plan (by semester)		
HỌC KỲ 4				SEMESTER 4			
STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	NO.	Course number	Course title	Credits
1	71ENG410043	Anh Văn 4	3	1	71ENG410043	English 4	3
2	71FIL130012	Diễn hoạ thời trang 1	2	2	71FIL130012	Fashion illustration 1	2
3	71PATM40014	Kỹ thuật cắt may 1	4	3	71PATM40014	Pattern making 1	4
4	71FHIS30013	Lịch sử thời trang	3	4	71FHIS30013	Fashion history	3
5	71FIL230022	Diễn hoạ thời trang 2	2	5	71FIL230022	Fashion illustration 2	2
Tổng			14	Total			14
HỌC KỲ 5				SEMESTER 5			
STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	NO.	Course number	Course title	Credits
1	71ENG510053	Anh Văn 5	3	1	71ENG510053	English 5	3
2	71MCRE20012	Phương pháp sáng tạo	2	2	71MCRE20012	Methodology of creativity	2
3	71FOFD30012	Cơ sở thiết kế thời trang	2	3	71FOFD30012	Foundation of fashion design	2
4	71PATM40024	Kỹ thuật cắt may 2	4	4	71PATM40024	Pattern making 2	4
5	71DGAP30012	Tin học ứng dụng 2 (Illustrator)	2	5	71DGAP30012	Digital Application 2 (Illustrator)	2
Tổng			13	Total			13

Phần C Dạy và học chương trình				Section C Teaching/learning methods and strategies			
29	Chương trình phân bổ theo các học kỳ: (theo học kỳ)			29	Sample study plan (by semester)		
HỌC KỲ 6				SEMESTER 6			
STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	NO.	Course number	Course title	Credits
1	71ENG610063	Anh Văn 6	3	1	71ENG610063	English 6	3
2	71HOVA20012	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	2	2	71HOVA20012	History of Art (Vietnam)	2
3	71FOVC20012	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	3	71FOVC20012	Fundamentals of Vietnamese Cul- tures	2
4	71PATM40034	Kỹ thuật cắt may 3	4	4	71PATM40034	Pattern making 3	4
5	71TEXF30013	Vật liệu may	3	5	71TEXF30013	Textile for fashion design	3
Tổng			14	Total			14
HỌC KỲ 7				SEMESTER 7			
STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	NO.	Course number	Course title	Credits
1	71ENG710073	Anh Văn 7	3	1	71ENG710073	English 7	3
2	71PHOT30012	Tự chọn 1: Nhiếp ảnh	2	2	71PHOT30012	Photography	2
3	71MAUP40012	Tự chọn 1: Nghệ thuật trang điểm	2	3	71MAUP40012	Make up	2
4	71TART20012	Nghệ thuật học	2	4	71TART20012	Arts Theory	2
5	71KIWD40012	Tự chọn 2: Thiết kế trang phục trẻ em	2	5	71KIWD40012	Kidwear Design	2
6	71SPWD40012	Tự chọn 2: Thiết kế trang phục thể thao	2	6	71SPWD40012	Sportswear design	2
7	71ACCD40012	Tự chọn 2: Thiết kế phụ trang	2	7	71ACCD40012	Accessories design	2
8	71FADE40013	Thiết kế thời trang 1	3	8	71FADE40013	Fashion design 1	3
Tổng			18	Total			18

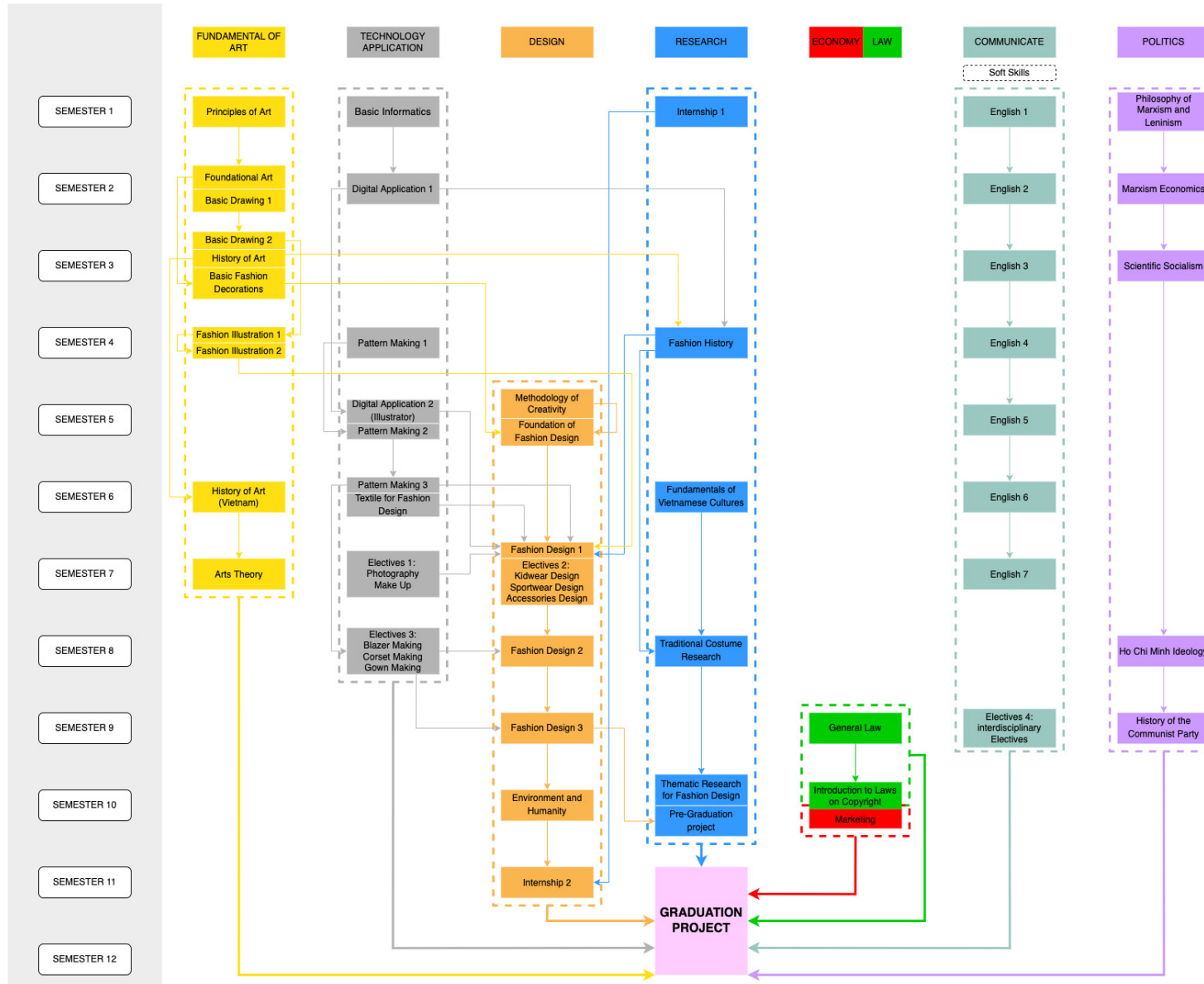
Phần C Dạy và học chương trình				Section C Teaching/learning methods and strategies			
29	Chương trình phân bổ theo các học kỳ: (theo học kỳ)			29	Sample study plan (by semester)		
HỌC KỲ 8				SEMESTER 8			
STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	NO.	Course number	Course title	Credits
1	71POLH10042	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	71POLH10042	Ho Chi Minh Ideology	2
2	71COMA40012	Tự chọn 3: Tạo mẫu Blazer	2	2	71COMA40012	Blazer making	2
3	71BLMA40012	Tự chọn 3: Tạo mẫu Corset	2	3	71BLMA40012	Corset making	2
4	71GOMA40012	Tự chọn 3: Tạo mẫu trang phục dự lễ	2	4	71GOMA40012	Gown making	2
5	71TDCR40013	Nghiên cứu trang phục truyền thống	3	5	71TDCR40013	Traditional costume research	3
6	71FADE40023	Thiết kế thời trang 2	3	6	71FADE40023	Fashion design 2	3
Tổng			14	Total			14
HỌC KỲ 9				SEMESTER 9			
STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	NO.	Course number	Course title	Credits
1	71POLC10052	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1	71POLC10052	History of the Communist Party	2
2	71LAWG10012	Pháp luật Đại cương	2	2	71LAWG10012	General law	2
3	71OPSU40012	Tự chọn 4: tự chọn liên ngành, liên khoa	2	3	71OPSU40012	Optional subject	2
4	71FADE40033	Thiết kế thời trang 3	3	4	71FADE40033	Fashion design 3	3
Tổng			9	Total			9

Phần C Dạy và học chương trình				Section C Teaching/learning methods and strategies				
29	Chương trình phân bổ theo các học kỳ: (theo học kỳ)			29	Sample study plan (by semester)			
HỌC KỲ 10				SEMESTER 10				
STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	NO.	Course number	Course title	Credits	
1	71MARK20012	Marketing	2	1	71MARK20012	Marketing	2	
2	71LAOC20012	Luật sở hữu trí tuệ	2	2	71LAOC20012	Introduction to Laws on Copyright	2	
3	71ENVH10012	Môi trường và con người	2	3	71ENVH10012	Environment and Humanity	2	
4	71TRFF40012	Nghiên cứu chuyên đề Thời trang	2	4	71TRFF40012	Thematic research for Fashion design	2	
5	71PREG40012	Đồ án Tiên tốt nghiệp	3	5	71PREG40012	Pre-Graduation project	3	
			Tổng				Total	11
HỌC KỲ 11				SEMESTER 11				
STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	NO.	Course number	Course title	Credits	
1	71INTE40013	Thực tập tốt nghiệp	3	1	71INTE40013	Internship 2	3	
2	71GRAP40018	Đồ án Tốt nghiệp		2	71GRAP40018	Graduation Project		
			Tổng				Total	3
HỌC KỲ 12				SEMESTER 12				
STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	
1	71GRAP40018	Đồ án Tốt nghiệp (tiếp theo)	8	1	71GRAP40018	Graduation project	8	
			Tổng				Total	8



Selection C Teaching/learning methods and strategies

30 Curriculum learning roadmap:
(the relation and order of courses)



Phân D		Điều kiện của chương trình	Section D		Learning environment and student support services
31	Môi trường học tập của nhà trường và khoa: <i>(Danh sách các trại thực nghiệm, và phòng lab mà chương trình sử dụng, các doanh nghiệp trong trường có liên quan đến chương trình; Danh sách các hoạt động thực tập, kiến tập, Co-op với doanh nghiệp,... của chương trình)</i>	<p>- Danh sách các trại thực nghiệm, và phòng lab mà chương trình sử dụng, các doanh nghiệp trong trường có liên quan đến chương trình:</p> <p>Các hoạt động trải nghiệm thực tế được tổ chức lồng ghép vào các giai đoạn học tập của sinh viên từ năm 1 đến năm 4.</p> <p>+ Giai đoạn đầu nhằm giúp sinh viên làm quen với môi trường nghề nghiệp (kiến tập tại doanh nghiệp) để có định hướng nghề nghiệp và định hướng học tập rõ ràng hơn.</p> <p>+ Giai đoạn hai, các hoạt động được lồng ghép vào môn học giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng chuyên ngành thành thạo hơn và bám sát thực tế thị trường.</p> <p>+ Giai đoạn ba (thực tập tốt nghiệp), giúp sinh viên bắt đầu hoà nhập với môi trường làm việc thực tế, gia tăng kết nối, nuôi dưỡng đam mê nghề nghiệp.</p> <p>+ Các xưởng thực hành hội hoạ giúp sinh viên có không gian vẽ hình hoạ, vẽ tượng và người mẫu cho sinh viên cơ hội tiếp xúc với các thể loại hình hoạ, trang trí, in khắc gỗ...</p> <p>+ Các xưởng thực hành may cho sinh viên được tiếp xúc với các kỹ thuật cắt may và thực hiện đồ án môn học thiết kế.</p> <p>+ Các hoạt động trong sổ tay “HÀNH TRÌNH DẤU ẤN SINH VIÊN” khuyến khích sinh viên tham gia nhiều hơn các hoạt động ngoại khoá do khoa, trường và các đơn vị ngoài trường tổ chức. Khuyến khích sinh viên tham gia các cuộc thi, các hoạt động tình nguyện,...giúp các bạn mở rộng hiểu biết, tăng niềm đam mê với nghề.</p>	31	Learning environment: <i>(List of experimental fields, labs, university enterprises that the program utilizes; List of field trips and internships, Co-op program, etc. of the program)</i>	<p>- List of experimental camps, labs used by the program, and businesses in the school related to the program:</p> <p>Practical activities are organized to integrate into the learning stages of students from year 1 to year 4.</p> <p>+ The first stage is to help students familiarize themselves with the professional environment (internship at an enterprise) to have a clearer career and study orientation.</p> <p>+ In the second phase, activities are integrated into the subject to help students practice specialized skills more proficiently and keep abreast of market realities.</p> <p>+ Stage three (graduation internship), helping students begin to integrate into the real working environment, increase connections, nurture career passion.</p> <p>+ Painting practice workshops give students a space for drawing pictures, drawing statues and models, giving students the opportunity to interact with various genres of painting, decoration, woodblock printing, etc.</p> <p>+ Sewing practice workshops for students to be exposed to cutting and sewing techniques and implementing design subject projects.</p> <p>+ The activities in the handbook "STUDENT'S JOURNEY" encourages students to participate more in extra-curricular activities organized by the faculty, school and off-campus units. Encourage students to participate in competitions, volunteer activities, etc. to help them expand their understanding and increase their passion for the profession.</p>

Phần D		Điều kiện của chương trình	Section D		Learning environment and student support services
31	Môi trường học tập của nhà trường và khoa: <i>(Danh sách các trại thực nghiệm, và phòng lab mà chương trình sử dụng, các doanh nghiệp trong trường có liên quan đến chương trình; Danh sách các hoạt động thực tập, kiến tập, Co-op với doanh nghiệp,... của chương trình)</i>	- Danh sách các hoạt động thực tập, kiến tập, Co-op với doanh nghiệp,... của chương trình): + Môn học Kiến tập nhận thức nghề + Môn học Thực tập tốt nghiệp với thời gian học tập tại doanh nghiệp kéo dài từ 10 – 12 tuần + Co-op với doanh nghiệp: trong các talkshow, workshop, triển lãm,...có sự tham gia chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, sự hỗ trợ về tài nguyên học tập từ các doanh nghiệp.	31	Learning environment: <i>(List of experimental fields, labs, university enterprises that the program utilizes; List of field trips and internships, Co-op program, etc. of the program)</i>	- List of internships, internships, Co-op with enterprises, etc. of the program): + The subject of Vocational Awareness + The subject of Graduation Internship with the duration of studying at the enterprise lasts from 10-12 weeks + Co-op with businesses: in talkshows, workshops, exhibitions, etc., with the participation of sharing knowledge, experience, support for learning resources from businesses.
32	Hệ thống hỗ trợ sinh viên:	- Đào tạo: Phòng Đào tạo; Phòng Công nghệ thông tin; Trung tâm Khảo thí; Phòng Cơ sở vật chất; Trung tâm phát triển năng lực học tập, nghề nghiệp, khởi nghiệp, hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm; Phòng Giám thị, thanh tra, giám sát; Phòng Hợp tác quốc tế và nghiên cứu khoa học. - Hỗ trợ về tài chính và học bổng: Trung tâm Hỗ trợ sinh viên, phòng Kế toán - Tư vấn việc làm và khởi nghiệp: Trung tâm phát triển năng lực học tập, nghề nghiệp, khởi nghiệp, hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm; Trung tâm Hỗ trợ sinh viên - Dạy kèm, tư vấn học thuật: Trung tâm Hỗ trợ sinh viên; Phòng Đào tạo; Trung tâm phát triển năng lực học tập, nghề nghiệp, khởi nghiệp, hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm - Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giải trí, thể thao: Trung tâm Hỗ trợ sinh viên	32	Support for students and their learning: <i>(academic support, pastoral support, and other services)</i>	- Academic: Department of Academic Affairs; Center for Information Technology; Center for Testing; Department of Facility Management; Industry Relations, Academic, and Career Development Center; Department of Proctors - Inspectors - Supervisors; Department of International Cooperation & Scientific Research - Financial and scholarship: Student Affairs Department; Finance - Accounting department - Career, employment and start-up: Industry Relations, Academic, and Career Development Center; Student Affairs Department - Housing: Student Affairs Department - Mentoring and counselling: Student Affairs Department; Department of Academic Affairs; Career, employment and start-up: Industry Relations, Academic, and Career Development Center;

Phần D		Điều kiện của chương trình	Section D		Learning environment and student support services
32	Môi trường học tập của nhà trường và khoa: <i>(Danh sách các trại thực nghiệm, và phòng lab mà chương trình sử dụng, các doanh nghiệp trong trường có liên quan đến chương trình; Danh sách các hoạt động thực tập, kiến tập, Co-op với doanh nghiệp,... của chương trình)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Chăm sóc sức khỏe và đời sống: Phòng Hành chính và Quản trị nguồn nhân lực, Phòng Tham vấn tâm lý, Trung tâm Y tế - Các dịch vụ thư viện: Thư viện, Phòng Công nghệ thông tin - Các dịch vụ hỗ trợ cho sinh viên quốc tế: Trung tâm Hỗ trợ sinh viên quốc tế - Các dịch vụ đảm bảo chất lượng bên trong: Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo 	32	Learning environment: <i>(List of experimental fields, labs, university enterprises that the program utilizes; List of field trips and internships, Co-op program, etc. of the program)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Recreation and sports: Student Affairs Department - Medical care and wellness: Department of Administration & Human Resource Management; Department of Psychological Consultancy, Medical Clinic - Library services: The Library; Center for Information Technology - International student support: International Student Support Center - Internal quality assurance: Department of Quality Assurance
33	Các câu lạc bộ sinh viên và các hoạt động ngoại khoá dành cho sinh viên:	<ul style="list-style-type: none"> - Các câu lạc bộ sinh viên cấp trường: + Câu lạc bộ Art Zone + Câu lạc bộ kỹ năng Balô xanh + Câu lạc bộ bóng chuyền + Câu lạc bộ bóng đá + Câu lạc bộ bóng rổ + Câu lạc bộ cờ + Câu lạc bộ Guitar + Câu lạc bộ Street Workout + Câu lạc bộ CDS Crew + Câu lạc bộ MC Văn Lang + Câu lạc bộ Taekwondo + Câu lạc bộ Cinewsmic + Câu lạc bộ truyền thông S.E.M + Câu lạc bộ nhiếp ảnh + Câu lạc bộ cầu lông + Van Lang Hospitality Team – Đội Lễ tân + Câu lạc bộ Khiêu Vũ Nghệ Thuật 	33	Student clubs and extracurricular activities available to students:	<ul style="list-style-type: none"> - Student clubs at university level: + Art Zone club + Blue Backpack skills club + Volleyball club + Football club + Basketball club + Chess Club + Guitar Club + Street Workout club + CDS Crew club + Van Lang MC club + Taekwondo club + Cinewsmic club + S.E.M club + Photography club + Badminton club + Van Lang Hospitality Team + Dance Art club

Phần D		Điều kiện của chương trình	Section D		Learning environment and student support services
33	Các câu lạc bộ sinh viên và các hoạt động ngoại khoá dành cho sinh viên:	<ul style="list-style-type: none"> + Câu lạc bộ Van Lang Flaming Soul + Câu lạc bộ Người Mẫu – Van Lang Models Club + Câu lạc bộ Kịch nói – Van Lang Play Club + Câu lạc bộ Nhạc cụ dân tộc – Van Lang Traditional Musical Instrument Club + Câu lạc bộ Xếp giấy nghệ thuật – Van Lang Origami Club + Câu lạc bộ Van Lang Rubik + Câu lạc bộ Rap Music – Van Lang Rap Music Club + Van Lang Supporter Team – Đội Cổ động + Truyện tranh Nhật Bản – Van Lang Manga Club + Van Lang Graffiti Club – CLB Tranh Phun sơn đường phố. + Nhảy cổ động – Van Lang Cheerleading Club + Câu lạc bộ Võ thuật Karate – Van Lang Karate Club + Câu lạc bộ Võ thuật Judo – Van Lang Judo Club + Câu lạc bộ Đấm bốc – Van Lang Boxing Club + Câu lạc bộ Bóng bàn – Van Lang Table Tennis Club + Câu lạc bộ Võ thuật Vovinam – Van Lang Vovinam Club + Van Lang Running Club – Câu lạc bộ Chạy Việt dã + Câu lạc bộ Võ cổ truyền – Van Lang Traditional Kung Fu Club + Câu lạc bộ Võ thuật Aikido – Van Lang Aikido Club + Câu lạc bộ Futsal – Van Lang Futsal Club + Câu lạc bộ Tầng bóng nghệ thuật – Van Lang Free-style Football Club + Câu lạc bộ Thể thao điện tử – Van Lang E-sport Club + Câu lạc bộ Trekking – Van Lang Trekking Club + Câu lạc bộ Bơi lội – Van Lang Swimming Club + Câu lạc bộ Đạp xe thể thao – Van Lang Cycling Club + Câu lạc bộ Kỹ năng Tin học – Van Lang Informatic Skill Club x + Câu lạc bộ Anh ngữ – Van Lang English Club 	33	Student clubs and extracurricular activities available to students:	<ul style="list-style-type: none"> + Van Lang Flaming Soul club + Van Lang Models club + Van Lang Play club + Van Lang Traditional Musical Instrument club + Van Lang Origami club + Van Lang Rubik's club + Van Lang Rap Music club + Van Lang Supporter Team + Van Lang Manga club x + Van Lang Graffiti club + Van Lang Cheerleading club + Van Lang Karate club + Van Lang Judo club + Van Lang Boxing club + Van Lang Table Tennis club + Van Lang Vovinam club + Cross Country Running club + Van Lang Traditional Kung Fu club + Van Lang Aikido club + Van Lang Futsal club + Van Lang Freestyle Football club + Van Lang E-sport club + Van Lang Trekking club + Van Lang Swimming club + Van Lang Cycling club + Van Lang Informatic Skills club + Van Lang English club + Van Lang Vlogger club + Van Lang Handmade club + Van Lang Kitchen Lover club + Van Lang Gogreen club + Van Lang Medical Skill club + Social work team + Van Lang Event Organizing Team

Phần D		Điều kiện của chương trình	Section D		Learning environment and student support services
33	Các câu lạc bộ sinh viên và các hoạt động ngoại khoá dành cho sinh viên:	<ul style="list-style-type: none"> + Câu lạc bộ Vlogger – Van Lang Vlogger Club + Câu lạc bộ Handmade – Van Lang Handmade Club + Câu lạc bộ Yêu Bếp – Van Lang Kitchen Lover Club + Van Lang Gogreen Club – Câu lạc bộ Môi trường + Kỹ năng Y tế – Van Lang Medical Skill + Đội công tác xã hội + Đội Tổ chức sự kiện – Van Lang Event Organizing Team <p>- Các câu lạc bộ sinh viên cấp khoa:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Câu lạc bộ Màu nước Khoa Mỹ thuật và Thiết kế - Bộ môn cơ bản + Câu lạc bộ nhiếp ảnh – truyền thông + Câu lạc bộ Thiết kế ngành TKCN <p>- Các hoạt động ngoại khóa dành cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Exh 6.15. Danh sách các hoạt động ngoại khóa của trường và khoa + Exh 6.16. Danh sách các cuộc thi dành cho sinh viên 	33	Student clubs and extracurricular activities available to students:	<p>- Student clubs at the faculty:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Watercolour Club Faculty of Fine Arts and Design - Basic subject. + Photography and media club + Design club of Architectural industry. <p>Extra-curricular activities for students:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Exh 6.15. List of extracurricular activities of the school and faculty + Exh 6.16. List of contests for students

33

Exh 6.15. Danh sách các hoạt động ngoại khóa của trường và khoa:

Các hoạt động trải nghiệm được tổ chức lồng ghép vào các giai đoạn học tập của sinh viên khuyến khích sinh viên tham gia nhiều hơn các hoạt động ngoại khóa do khoa và trường tổ chức:

+ Các chương trình tập huấn: Cán bộ Đoàn - Hội, Lớp học lý thuyết giấy phép lái xe moto hạng A1.

+ Các talkshow và workshop: Workshop "Free cutting by Jullian Robert", Workshop kỹ thuật nhuộm Shibory truyền thống của Nhật Bản: LET IT DYE, Workshop tạo file và thực hành máy thêu vi tính cho Sinh viên Thời trang do Công Ty TNHH Brother Việt Nam tài trợ, Workshop: Destroy to Reborn, Talkshow Hành trình khám phá bản thân, Workshop REJOIN, Fashion Career Talk, "Innovation in Fashion and Art - Đổi mới trong thời trang và mỹ thuật", Talkshow: Trải nghiệm cá nhân và quá trình thực hiện bộ ảnh thời trang, Workshop TR Cutting của Singo Sato và Magic Pattern của Tomoko Nakamichi, Workshop: Phương pháp xác định phong cách trang phục cá nhân, Talkshow: Thời trang bền vững với Greenyarn, Workshop: Nhuộm tự nhiên.

+ Các ngày hội thể thao cho sinh viên: Hội thao sinh viên cấp trường năm 2018, Hội thao sinh viên cấp trường năm 2019, Hội thao sinh viên cấp trường năm 2020, Livestream "VanLang Sports", Giải Việt dã Sinh viên Tp.HCM lần X năm 2019, Giải Thể Thao Chào Đón Tân Sinh Viên.

+ Các chương trình dành cho sinh viên cấp trường: Ngày hội Vui Tết xa nhà 2018, Chuỗi hoạt động chương trình văn nghệ chào mừng Ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11, Ngày hội Hoà Sắc, Phát động chương trình "Văn Lang sẵn sàng đồng hành cùng bạn", Chương trình "Vui tết xa nhà" - năm 2020, Livestream "Câu chuyện tháng 3", Livestream "Tâm lý sinh viên thời online", Livestream cùng Cựu sinh viên với chủ đề "Thời trước tám thời nay", Chương trình Giao lưu Văn hoá Văn nghệ và mừng Tết cổ truyền Lào - Campuchia 2021, Đêm nhạc 20 năm nhớ Trịnh Công Sơn - Những sớm mai Việt Nam tại Đại học Văn Lang, Ngày hội Club's Day với chủ đề "Sắc màu Văn Lang", "Ngày Hội Cán Bộ Đoàn - Hội" Trường Đại học Văn Lang năm 2021, Chiến Dịch Xuân Tình Nguyễn Năm 2022, Xuân Yêu Thương - Xuân Không Chỉ Để Quây Quẩn Bên Gia Đình

+ Các chương trình thời trang dành cho sinh viên: 11 A.M Show, Show tốt nghiệp K20 Thời trang, 11 A.M Show: Hướng đến kỷ niệm 25 năm thành lập Trường Đại học Văn Lang, Triển lãm, trình diễn bộ sưu tập tốt nghiệp khoá K21 Thời trang, Graduation show, Triển lãm: Tranh vải K26, Triển lãm Vật liệu may giúp sinh viên bắt đầu hoà nhập với môi trường làm việc thực tế, gia tăng kết nối, nuôi dưỡng đam mê nghề nghiệp.

Khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện,...giúp các bạn mở rộng hiểu biết, tăng lòng yêu thương giữa con người với con người:

+ Các chương trình tình nguyện chung tay vì cộng đồng: Hiến máu tình nguyện, Chiến dịch mùa hè xanh 2018, Hội trại truyền thống Nối vòng tay lớn, Ngày hội Sinh viên Văn Lang năm 2018 - Phát động quyên góp "Quỹ gia đình Văn Lang", "Tặng sách đồng môn" và "Hội chợ đồ cũ", Chiến dịch Xuân Tình nguyện năm 2019, Phát động Chung tay vì cộng đồng năm 2019, Ngày hội Sinh viên Văn Lang năm 2019 - Phát động quyên góp "Quỹ gia đình Văn Lang", "Tặng sách đồng môn" và "Hội chợ đồ cũ", Dự án tô màu giấc mơ: Nối rộng vòng tay, thêm yêu thương đong đầy.

+ Các cuộc thi sinh viên Văn Lang: Hội thi Olympic các môn khoa học Mác - Lênin cấp trường, Cuộc thi "You're Van Lang Singer", Cuộc thi "Chiến sĩ diệt Corona", Giải cờ vua, cờ tướng sinh viên học sinh TP. HCM tranh cúp Đại học Văn Lang lần V năm 2021, Miss & Mister Văn Lang 2020, Cuộc thi ảnh "Sắc xanh tuổi trẻ" kỷ niệm 91 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh,

+ Các cuộc thi sinh viên ngành Thiết kế thời trang: Cuộc thi Thiết kế hoạ tiết vải AFROMAZI 2019, Cuộc thi "Trendy Maker" giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng chuyên ngành thành thạo hơn và bám sát thực tế thị trường.

Section D**Learning environment and student support services**

33

Exh 6.15. List of extracurricular activities of the school and faculty:

Experiential activities are integrated into the student's learning stages to encourage students to participate more in extra-curricular activities organized by the faculty and the school:

+ Training programs: Union - Association officials, A1 class motorcycle license theory class.

+ Talks and workshops: Workshop "Free cutting by Jullian Robert", Workshop on traditional Japanese Shibory dyeing techniques: LET IT DYE, Workshop on creating files and practicing computer embroidery machines for Fashion Students by Brother Co., Ltd. Sponsored by Vietnam, Workshop: Destroy to Reborn, Talkshow Journey of Self-Discovery, Workshop REJOIN, Fashion Career Talk, "Innovation in Fashion and Art - Innovation in Fashion and Fine Arts", Talkshow: Personal Experience and fashion photography process, Workshop TR Cutting by Singo Sato and Magic Pattern by Tomoko Nakamichi, Workshop: Methods for determining personal clothing style, Talkshow: Sustainable fashion with Greenyarn, Workshop: Natural dyeing.

+ Sports festivals for students: School-level Student Sports Festival in 2018, School-level Student Sports Festival in 2019, School-level Student Sports Festival in 2020, Livestream "VanLang Sports", City Student Tournament. Ho Chi Minh City for the 10th time in 2019, the New Student Welcome Sports Award.

+ Programs for school-level students: Happy New Year away from home 2018, a series of cultural activities to celebrate Vietnam Teachers' Day November 20, Hoa Sac Festival, Launch of the program "Van Lang ready ready to accompany you", "Happy New Year away from home" - 2020, Livestream "March story", Livestream "Student psychology online", Livestream with Alumni with the topic "Before eight years" Today", Cultural Exchange Program and Celebrate Lao-Cambodia Traditional New Year 2021, Music Night of 20 Years in Memory of Trinh Cong Son - Vietnamese Mornings at Van Lang University, Club's Day with the theme " Colors of Van Lang", "Day of Youth Union - Association" of Van Lang University in 2021, Spring Volunteer Campaign in 2022, Spring of Love - Spring is not just for gathering with family

+ Fashion shows for students: 11 A.M Show, K20 Graduation Show Fashion, 11 A.M Show: Towards the 25th anniversary of Van Lang University's establishment, Exhibition, graduation collection show Course K21 Fashion, Graduation show, Exhibition: K26 Fabric Painting, Garment Materials Exhibition helps students start integrating into the real working environment, increase connections, nurture career passion.

Encourage students to participate in volunteering activities, etc. to help them expand their understanding and increase the love between people:

+ Volunteer programs to join hands for the community: Voluntary blood donation, Green Summer Campaign 2018, Traditional Camp Connecting Big Arms, Van Lang Student Festival 2018 - Launching donation "Family Fund" Van Lang", "Gifting peer-to-peer books" and "Second-hand goods fair", Spring Volunteer Campaign 2019, Launching Hands for the Community in 2019, Van Lang Student Festival 2019 - Donating Campaign " Van Lang family fund", "Giving books to fellow subjects" and "Second-hand goods fair", Dream coloring project: Extend your arms, add more love.

+ Student competitions Van Lang: School-level Marxist-Leninist Olympiad, "You're Van Lang Singer" contest, "Soldier to kill Corona" contest, Chess prize, student chess City students. Ho Chi Minh City competes for the 5th Van Lang University Cup in 2021, Miss & Mister Van Lang 2020, Photo contest "Green color of youth" to celebrate the 91st anniversary of the founding of the Ho Chi Minh Communist Youth Union,

+ Student competitions in Fashion Design: AFROMAZI Fabric Design Contest 2019, "Trendy Maker" contest helps students practice specialized skills more proficiently and keep abreast of market realities.

33

Exh 6.16. Danh sách các cuộc thi dành cho sinh viên:

Khuyến khích sinh viên tham gia các cuộc thi do các đơn vị ngoài trường tổ chức giúp sinh viên có sự tham gia chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, sự hỗ trợ về tài nguyên học tập từ các doanh nghiệp.

+ Cuộc thi Sinh Viên Văn Lang Đạt Giải Ba Cuộc Thi Nói Tiếng Hàn Cúp Đại Sứ Toàn Miền Nam

+ Các cuộc thi thiết kế sáng tạo: Afromazi Textile Design 2019, Thiết kế Đồ họa Thế giới 2020 và 2021(ACAWC), Taiwan International Student Design Competition 2020 (TISDC), Graphic Halo Race, Sakura Collection Vietnam 2019, Thiết kế bao bì học sinh châu Á (ASPaC), SCGP Design Challenge Vietnam 2021, Khởi Nghiệp - "ra Khởi" 2022, Cuộc Thi Nhà Thiết Kế Trẻ Châu Á (AYDA), Vietnam design week 2021, Loa Thành 2021, Thiết kế trang phục dân tộc 2022 giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng chuyên ngành thành thạo hơn và cảm nhận thị trường thực tế trong nước và thế giới.

+ Các cuộc thi thể thao: Vietnam University Games 2018, Giải đấu Hutech Open Futsal 2018, Giải Cầu Lông RMIT Mở Rộng, Giải Bóng Chuyền STU Mở Rộng, Giải Futsal HD Bank Sinh viên đồng hành TP. HCM 2020, Giải Taekwondo Đối Kháng Nam Cúp Đại Sứ Hàn Quốc 2022, Giải Cờ Vua Toàn Thành giúp sinh viên mở rộng quan hệ thực tế và trang bị cho bản thân một sức khỏe tốt để học tập và thực hành.

Exh 6.16. List of contests for students:

Encourage students to participate in competitions organized by units outside the school to help students share knowledge and experience, and support learning resources from businesses.

+ Student Contest Van Lang won the 3rd prize in the Korean Speaking Contest, the All South Ambassador Cup

+ Creative design competitions: Afromazi Textile Design 2019, Graphic Design World 2020 and 2021(ACAWC), Taiwan International Student Design Competition 2020 (TISDC), Graphic Halo Race, Sakura Collection Vietnam 2019, Packaging Design Asian students (ASPaC), SCGP Design Challenge Vietnam 2021, Start-up - "Going out" 2022, Young Asian Designers Competition (AYDA), Vietnam design week 2021, Loa Thanh 2021, National costume design 2022 helps students practice specialized skills more proficiently and feel the real market in the country and the world.

+ Sports competitions: Vietnam University Games 2018, Hutech Open Futsal Tournament 2018, RMIT Open Badminton Tournament, STU Open Volleyball Tournament, HD Bank Futsal Tournament. Ho Chi Minh City 2020, Taekwondo Competition South Korean Ambassador Cup 2022, Toan Thanh Chess Championship helps students expand their practical relationships and equip themselves with a good health to study and practice.

Phần E			Section E		
Điều chỉnh và cập nhật			Approval, publication and update		
34	Ngày ban hành bản đặc tả chương trình:	25/06/2021	34	This program specification was published on:	25/06/2021
35	Ngày cập nhật cuối cùng:	15/7/2022	35	This program specification was last updated on:	15/7/2022

PHỤ LỤC I Mô tả tóm tắt của các môn học	APPENDIX I Course description
Mô tả tóm tắt những chủ đề kiến thức và/hay các nhóm kỹ năng chính được giảng dạy trong môn học, thời lượng và phân bố giữa lý thuyết và thực hành/bài tập/project...	Brief description of main topics and/or skill groups taught in the courses, the duration and distribution between theory and practice/exercise/project/ etc.
Triết học Mác - Lênin: Triết học Mác - Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác – Lênin. Nội dung môn học gồm có 3 chương, giải thích về những vấn đề chung liên quan tới sự tồn tại, phát triển của thế giới nói chung, của sự tồn tại và phát triển xã hội loài người nói riêng, nó trang bị thế giới quan đúng đắn, nhân sinh quan tích cực, cũng như phương pháp luận biện chứng, khoa học cho người học, nhằm giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Môn học còn là cơ sở để sinh viên tiếp thu tốt các môn Lý luận chính trị, cũng như các môn khoa học khác.	Philosophy of Marxism and Leninism: Marxism-Leninism is one of the three components of Marxism-Leninism. The subject content consists of 3 chapters, explaining general issues related to the existence and development of the world in general, of the existence and development of human society in particular, it equips the world with correct perspective, positive outlook on life, as well as dialectical and scientific methodology for learners, in order to well solve problems arising in practice. The subject is also a basis for students to well absorb political theory subjects, as well as other science subjects.
Kinh tế chính trị Mác Lê Nin: Nội dung học phần được cấu trúc thành 6 chương. Trong đó, chương I giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của môn học; chương II, III, IV tập trung nghiên cứu những lý luận giá trị lao động, quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, giai đoạn độc quyền và độc quyền nhà nước; chương V,VI trình bày kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam, những quan điểm, giải pháp về công nghiệp hóa hiện đại hóa và vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế của Việt nam.	Marxism Economics: The course content is structured into 6 chapters. In which, Chapter I introduces the subject, research methods and functions of the subject; Chapters II, III, IV focus on studying the theories of labor value, the production process of surplus value in the period of free-competitive capitalism, the period of monopoly and state monopoly; Chapters V and VI present socialist-oriented market economy in Vietnam, perspectives and solutions on industrialization, modernization and international economic integration of Vietnam.
Chủ nghĩa xã hội khoa học: Học phần gồm 7 chương trình bày quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở kiến thức của môn học, sinh viên vận dụng phân tích những vấn đề chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Qua đó, giáo dục cho sinh viên niềm tin khoa học, lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng và thái độ đúng đắn, khách quan về nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Scientific socialism: The course consists of 7 programs presenting the inevitable laws of the birth of the communist socio-economic form; socio-political issues of regularity in the process of socialist revolution. On the basis of the knowledge of the subject, students apply and analyze socio-political issues of the process of arising, formation and development of the communist socio-economic form and the path to follow. to socialism in our country today. Thereby, educating students on scientific belief, political stance, firm ideology and correct and objective attitude about the ideological foundation of the Communist Party of Vietnam.

PHỤ LỤC I	APPENDIX I
Mô tả tóm tắt của các môn học	Course description
<p>Tư Tưởng Hồ Chí Minh: Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng cơ bản của Người về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Môn học còn rèn luyện ý chí và hành động phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng cách mạng mà Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân ta đã lựa chọn</p>	<p>Ho Chi Minh Ideology: The course consists of 6 chapters, providing students with basic knowledge about concepts, objects, research methods, meaning of studying Ho Chi Minh Thought; on the basis, process of formation and development of Ho Chi Minh's thought and his basic ideas on national independence and socialism, the Communist Party of Vietnam, building the state of the people, people, for the people, about great national unity and international solidarity, about culture, morality and building a new man. The course also trains the will and action to strive for the revolutionary goals and ideals that Ho Chi Minh, the Communist Party of Vietnam and our people have chosen.</p>
<p>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Học phần gồm 4 chương, trình bày về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), về kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, thực hiện thống nhất đất nước (1945 – 1975), về đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Môn học còn định hướng lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo cách mạng của Đảng trong lịch sử dân tộc.</p>	<p>History of the Communist Party: The course consists of 4 chapters, presenting the birth of the Communist Party of Vietnam, the process by which the Party led the people to struggle for power (1930 - 1945), and the anti-colonial resistance war. The French people, the American imperialists invaded and unified the country (1945-1975), on the Party's line in the process of leading the country in the transition to socialism and conducting the changes (1975 - 1975). 2018). The course also orients a firm ideological and political stance, builds confidence in the Party's revolutionary leadership in the nation's history.</p>
<p>Giáo Dục Thể Chất (I): Sinh viên được chọn học 2 trong 14 học phần: Bơi lội, Bóng bàn, Bóng chuyền, Futsal, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Fitness, Khiêu vũ, Leo núi thể thao, Tennis, Võ thuật, Hatha Yoga, Golf. Các học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành về lịch sử hình thành phát triển, lợi ích tập luyện và mục đích tập luyện; các Kỹ thuật, chiến thuật; Luật thi đấu; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; Phương pháp xử lý sự cố trong các trường hợp đặc biệt.</p>	<p>Physical Education (I): Students can choose to study 2 out of 14 modules: Swimming, Table Tennis, Volleyball, Futsal, Basketball, Badminton, Chess, Fitness, Dance, Sport Climbing, Tennis, Martial arts, Hatha Yoga, Golf. The modules provide students with knowledge, skills and practices about the history of formation, development, training benefits and training purposes; Techniques and tactics; Competition Rules; Competition organization and referee methods; Troubleshooting methods in special cases.</p>
<p>Giáo Dục Thể Chất (II): Sinh viên được chọn học 2 trong 14 học phần: Bơi lội, Bóng bàn, Bóng chuyền, Futsal, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Fitness, Khiêu vũ, Leo núi thể thao, Tennis, Võ thuật, Hatha Yoga, Golf. Các học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành về lịch sử hình thành phát triển, lợi ích tập luyện và mục đích tập luyện; các Kỹ thuật, chiến thuật; Luật thi đấu; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; Phương pháp xử lý sự cố trong các trường hợp đặc biệt.</p>	<p>Physical Education (II): Students can choose to study 2 out of 14 modules: Swimming, Table Tennis, Volleyball, Futsal, Basketball, Badminton, Chess, Fitness, Dance, Sport Climbing, Tennis, Martial arts, Hatha Yoga, Golf. The modules provide students with knowledge, skills and practices about the history of formation, development, training benefits and training purposes; Techniques and tactics; Competition Rules; Competition organization and referee methods; Troubleshooting methods in special cases.</p>

PHỤ LỤC I	APPENDIX I
Mô tả tóm tắt của các môn học	Course description
<p>Giáo dục quốc phòng: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, tập trung vào các nội dung: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; Công tác quốc phòng và an ninh, tập trung vào các nội dung: Hiểu được những nội dung chính về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, trong nhà trường.</p>	<p>National Defense Education: The line of defense and security of the Communist Party of Vietnam, focusing on the following contents: Building an all-people national defense and people's security; building a national defense posture of the whole people in association with the posture of people's security, building the people's armed forces and military art of Vietnam; National defense and security work, focusing on the following contents: Understanding the main contents of building militia and self-defense forces, reserve mobilization forces; plots and tricks of "peaceful evolution", riots and overthrows of forces hostile to the Vietnamese revolution; basic issues of national security protection and social order and safety assurance in schools.</p>
<p>Kỹ năng nghề nghiệp: Môn học này trình bày những kiến thức về kỹ năng nghề nghiệp, cung cấp cho sinh viên những công cụ để khám phá và thấu hiểu bản thân, từ đó xác định mục tiêu phát triển bản thân và mục tiêu nghề nghiệp hợp lý; Sinh viên sẽ được hướng dẫn những kỹ năng tìm hiểu thị trường lao động, tìm kiếm thông tin tuyển dụng, trình bày CV và cover letter ấn tượng, kỹ năng trả lời phỏng vấn. Qua đó, giúp sinh viên tự tin và nâng cao tỷ lệ ứng tuyển việc làm thành công cũng như phát triển sự nghiệp theo ý muốn.</p>	<p>Soft skill-Practical in professional: This subject presents knowledge about career skills and provides students with tools to discover and understand themselves, thereby determining personal development goals and reasonable career goals; Students will be guided in skills of researching the labor market, searching for recruitment information, presenting an impressive CV and cover letter, and interviewing skills. Thereby helping students gain confidence and improve the rate of successful job applications and career development as desired.</p>
<p>Kỹ năng quản lý thời gian: Môn học này trình bày những kiến thức về quản lý thời gian và hướng dẫn thực hành phân tích việc sử dụng thời gian của bản thân, nhằm thiết lập mục tiêu và sắp xếp thứ tự ưu tiên cho công việc một cách khoa học, tối ưu hóa việc sử dụng thời gian của mình; Hướng dẫn các kỹ năng giải quyết vấn đề và nâng cao hiệu quả trong công việc, giúp sinh viên chủ động, có trách nhiệm với bản thân và công việc.</p>	<p>Soft skill-Time management skills: This course presents knowledge about time management and provides practical guidance on analyzing student time usage, setting goals, prioritizing work in a scientific, optimizing the use of your time; Teaching problem-solving skills, improving work efficiency, and helping students be proactive and responsible for themselves and their work.</p>
<p>Kỹ năng giao tiếp hiệu quả: Môn học này được chia làm các chủ điểm kiến thức: Những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, thấu hiểu bản thân và nhận diện được đối tượng giao tiếp để có cách giao tiếp phù hợp; Những kiến thức về tư duy đa chiều để SV ứng dụng hiệu quả hơn trong giao tiếp, giải quyết vấn đề. Qua đó, giúp sinh viên tự tin và thành công hơn trong học tập, công việc và cuộc sống; Môn học cũng bao gồm hướng dẫn những kỹ năng cơ bản liên quan đến giao tiếp như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề để ứng dụng trong các tình huống cụ thể.</p>	<p>Soft skill-Effective communication skills: This subject is divided into knowledge topics: Basic knowledge of communication skills, self-understanding, and identifying objects of communication to have an appropriate way of communication; The knowledge of multidimensional thinking for students to apply more effectively in communication and problem-solving. Thereby, helping students become more confident and booming in their study, work, and life; The course also includes instruction on basic communication-related skills such as presentation skills, teamwork skills, and problem-solving skills to apply in specific situations.</p>

PHỤ LỤC I Mô tả tóm tắt của các môn học	APPENDIX I Course description
<p>Kỹ năng học đại học: Môn học này được chia làm các chủ điểm kiến thức: Những tri thức khái quát về các lý thuyết học tập, hiểu được bản chất của việc học, những năng lực học tập bậc cao phù hợp với bậc Đại học; Những kiến thức có ích khác cho cuộc sống sinh viên như lập kế hoạch cho sự tiến bộ của bản thân nhằm giúp sinh viên thích nghi tốt nhất với môi trường học tập ở bậc Đại học và hướng tới tinh thần học tập suốt đời; Môn học cũng bao gồm hướng dẫn những kỹ năng cần thiết để có thể tự chủ trong học tập như phương pháp tra tìm thông tin, nghe giảng và ghi chép trong lớp, kỹ năng đọc và phản hồi thông tin.</p>	<p>Soft skill-Skill of learning in university: This subject is divided into knowledge topics: General knowledge of learning theories, understanding the nature of learning, and higher learning competencies suitable for university-level; Other practical knowledge for student life such as planning for their progress to help students best adapt to the university learning environment and towards a spirit of lifelong learning; The course also includes instruction in the skills necessary for learning autonomy such as information retrieval, listening and taking notes in class, reading and feedback skills.</p>
<p>Tin Học Căn Bản: Môn học bao gồm 6 modules: Module 1: Khái niệm CNTT cơ bản, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong Công nghệ thông tin – Truyền thông. Các vấn đề liên quan đến an toàn thông tin và pháp luật trong sử dụng CNTT ; Module 2: Sử dụng máy tính cơ bản; Module 3: Soạn thảo văn bản với phần mềm Microsoft Word; Module 4: Xử lý bảng tính với phần mềm Microsoft Excel. Sử dụng để giải quyết các bài toán và tình huống thực tế; Module 5: Sử dụng trình chiếu cơ bản xây dựng các bản trình chiếu thuyết trình với các kỹ thuật cơ bản và nâng cao với Microsoft PowerPoint; Module 6: Internet cơ bản. Tìm kiếm thông tin, sử dụng hộp thư điện tử. Hình thành các thói quen bảo mật thông tin an toàn cho người dùng.</p>	<p>Basic Informatics: The course consists of 6 modules: Module 1: Basic IT concepts, occupational safety and environmental protection in Information and Communication Technology. Issues related to information security and law in the use of IT; Module 2: Using a basic calculator; Module 3: Editing documents with Microsoft Word software; Module 4: Processing spreadsheets with Microsoft Excel software. Use to solve real-life problems and situations; Module 5: Using basic presentations to build presentations with basic and advanced techniques with Microsoft PowerPoint; Module 6: Basic Internet. Search for information, use email. Forming safe information security habits for users.</p>
<p>Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam: Ngoài phần Giới thiệu môn học, nội dung chính bao gồm 5 chương. Chương 1: Định vị văn hoá Việt Nam. Chương 2: Văn hoá nhận thức. Chương 3: Văn hoá tổ chức đời sống tập thể. Chương 4: Các bình diện văn hoá tinh thần và văn hóa vật chất. Chương 5: Giao lưu và tiếp biến văn hoá.</p>	<p>Fundamentals of Vietnamese Cultures: In addition to the Introduction of the subject, the main content includes 5 chapters. Chapter 1: Positioning Vietnamese culture. Chapter 2: Cognitive culture. Chapter 3: Culture organizes collective life. Chapter 4: The aspects of spiritual culture and material culture. Chapter 5: Cultural exchange and acculturation.</p>
<p>Pháp luật Đại cương: Học phần trình bày các vấn đề sau đây: Những vấn đề cơ bản về Nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Luật Hiến pháp Việt Nam; Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính; Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự Việt Nam; Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Luật Lao động và Luật An sinh xã hội Việt Nam; Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại; Luật Đất đai Việt Nam; Luật Phòng, chống tham nhũng Việt Nam và Luật Quốc tế.</p>	<p>General Law: This course presents the following issues: Basic issues about the State; Basic legal issues; Law on the Constitution of Vietnam; Administrative Law and Administrative Procedures; Criminal Law and Criminal Procedure of Vietnam; Civil Law and Civil Procedure; Law on Marriage and Family of Vietnam; Law on Labor and Law on Social Security of Vietnam; Enterprise Law, Commercial Law and dispute settlement in commercial business; Land Law of Vietnam; Law on Anti-corruption of Vietnam and International Law.</p>

PHỤ LỤC I	APPENDIX I
Mô tả tóm tắt của các môn học	Course description
<p>Anh Văn 1: Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ A1 bao gồm: Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh sơ cấp, liên quan đến các chủ đề: nghề nghiệp, chụp ảnh, du lịch, và thành phố; Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn với cấu trúc đơn giản; Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.</p>	<p>English 1: The subject provides knowledge and skills in academic English at A1 level including: Basic English vocabulary and grammar points, related to topics: occupation, photography, travel calendar, and city; Practice communication and academic English; practice listening - speaking - reading - writing skills according to familiar situations in life and study; students listen to samples of conversations, presentations, practice conversation samples, give presentations with a clear purpose; read short readings in the form of articles, guides, interviews; review and learn the correct method of using vocabulary and grammar; practice the ability to write a short paragraph with a simple structure; Develop soft skills such as presentation, teamwork, creativity, critical thinking, problem solving, reading and document analysis.</p>
<p>Anh Văn 2: Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ A2 - bao gồm: Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh sơ cấp, liên quan đến các chủ đề: khó khăn và kết quả, bảo vệ môi trường, phát minh khoa học, lịch sử, khám phá vũ trụ, thành tựu khoa học; Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn; Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.</p>	<p>English 2: The subject provides knowledge and skills in Academic English at A2 level - including: Beginner English vocabulary and grammar points, related to the following topics: difficulties and outcomes, environmental protection, scientific inventions, history, space exploration, scientific achievements; Practice communication and academic English; practice listening - speaking - reading - writing skills according to familiar situations in life and study; students listen to samples of conversations, presentations, practice conversation samples, give presentations with a clear purpose; read short readings in the form of articles, guides, interviews; review and learn the correct method of using vocabulary and grammar; practice the ability to write a short paragraph; Develop soft skills such as presentation, teamwork, creativity, critical thinking, problem solving, reading and document analysis.</p>
<p>Anh văn 3: Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ Sơ cấp A2+ bao gồm: Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh hậu sơ cấp, liên quan đến các chủ đề: Nghề nghiệp, cảm xúc, thời tiết, marketing, thức ăn; Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính học thuật; Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.</p>	<p>English 3: The subject provides knowledge and skills in academic English at the Beginner A2+ level, including: Post-beginner English vocabulary and grammar points, related to the following topics: Career, feeling contact, weather, marketing, food; Practice communication and academic English; practice listening - speaking - reading - writing skills according to familiar situations in life and study; students listen to samples of conversations, presentations, practice conversation samples, give presentations with a clear purpose; read short readings in the form of articles, guides, interviews; review and learn the correct method of using vocabulary and grammar; practice the ability to write a short academic paragraph; Develop soft skills such as presentation, teamwork, creativity, critical thinking, problem solving, reading and document analysis.</p>

PHỤ LỤC I	APPENDIX I
Mô tả tóm tắt của các môn học	Course description
<p>Anh văn 4: Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ Trung cấp B1 bao gồm: Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh Trung cấp, liên quan đến các chủ đề: tương lai, khám phá vũ trụ, âm nhạc - nghệ thuật, tự nhiên, sức mạnh của hình ảnh, phương pháp giao tiếp; Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn mang tính chất học thuật; Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.</p>	<p>English 4: The subject provides knowledge and skills in Academic English at the B1 Intermediate level including: Intermediate English vocabulary and grammar points, related to the following topics: future, discovery the universe. music - art, nature, the power of images, methods of communication; Practice communication and academic English; practice listening - speaking - reading - writing skills according to familiar situations in life and study; students listen to samples of conversations, presentations, practice conversation samples, give presentations with a clear purpose; read short readings in the form of articles, guides, interviews; review and learn the correct method of using vocabulary and grammar; practice the ability to write an academic paragraph; Develop soft skills such as presentation, teamwork, creativity, critical thinking, problem solving, reading and document analysis.</p>
<p>Anh văn 5: Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ Trung cấp B1+ bao gồm: Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh Trung cấp, liên quan đến các chủ đề: Hạnh phúc, sức khoẻ, công nghệ, văn hoá - truyền thống, bảo vệ nguồn nước, trí nhớ và học tập, bộ não con người; Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn mang tính chất học thuật; Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.</p>	<p>English 5: The subject provides knowledge and skills in academic English at the Intermediate level B1+ including: Intermediate English vocabulary and grammar points, related to the following topics: Happiness, health , technology, culture - tradition, water protection, memory and learning, the human brain; Practice communication and academic English; practice listening - speaking - reading - writing skills according to familiar situations in life and study; students listen to samples of conversations, presentations, practice conversation samples, give presentations with a clear purpose; read short readings in the form of articles, guides, interviews; review and learn the correct method of using vocabulary and grammar; practice the ability to write an academic paragraph; Develop soft skills such as presentation, teamwork, creativity, critical thinking, problem solving, reading and document analysis.</p>

PHỤ LỤC I	APPENDIX I
Mô tả tóm tắt của các môn học	Course description
<p>Anh văn 6: Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ tiền trung cao cấp B2- bao gồm: Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh tiền trung cao cấp, liên quan đến các chủ đề: Thức ăn, thảm họa tự nhiên, kỳ quan nhân tạo, thích nghi tự nhiên, con người và tự nhiên, công việc trong tương lai, phương pháp giao tiếp; Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn mang tính chất học thuật; Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.</p>	<p>English 6: The subject provides knowledge and skills in Academic English at the pre-intermediate level B2- including: Pre-intermediate English vocabulary and grammar points, related to the following topics: Food, natural disasters, man-made wonders, natural adaptations, people and nature, future work, communication methods; Practice communication and academic English; practice listening - speaking - reading - writing skills according to familiar situations in life and study; students listen to samples of conversations, presentations, practice conversation samples, give presentations with a clear purpose; read short readings in the form of articles, guides, interviews; review and learn the correct method of using vocabulary and grammar; practice the ability to write an academic paragraph; Develop soft skills such as presentation, teamwork, creativity, critical thinking, problem solving, reading and document analysis.</p>
<p>Anh văn 7: Chương trình học phần Anh Văn Tiêu Chuẩn được xây dựng nhằm mở rộng những kiến thức Tiếng Anh tổng quát; một số kiến thức về Tiếng Anh học thuật, nâng cao bốn kỹ năng Tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) cho sinh viên; bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, các kỹ năng thế kỉ 21 (sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng hợp tác, khả năng giao tiếp, và khả năng làm việc nhóm) nhằm giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.</p>	<p>English 7: The Standard English curriculum is designed to expand general English knowledge; some knowledge of academic English, improving the four English skills (listening, speaking, reading, writing) for students; fostering self-study habits, 21st century skills (creativity, critical thinking, cooperation, communication, and teamwork) to help students understand and apply lifelong learning methods.</p>
<p>Cơ Sở Tạo Hình Mỹ Thuật: Môn học gồm có các nội dung lý thuyết: Giới thiệu môn học, phân biệt MTCN và MTTH; Chương 1: Cấu trúc thị giác, các định luật thị giác; Chương 2: Các phương tiện tạo hình; Chương 3: Các dạng bố cục cơ bản, Các nguyên lý tạo hình; Phần thực hành bao gồm các bài tập thực hành tương ứng với các nội dung lý thuyết của môn học: Thực hành áp dụng các phương tiện tạo hình và nguyên lý tạo hình để sáng tạo hình ảnh, bố cục.</p>	<p>Principles of Art: The course includes the following theoretical topics: Introduction to the subject, distinguishing industrial and visual art: Chapter 1: Visual structure, visual laws; Chapter 2: Forming media; Chapter 3: Basic layout forms, Principles of shaping. The practical part includes practical exercises corresponding to the theoretical contents of the subject: Practical application of shaping means and principles of shaping to create images and layouts.</p>
<p>Trang Trí cơ bản: Môn học bao gồm kiến thức màu sắc nâng cao, thực hành nghiên cứu tả thực và cách điệu hoa lá, côn trùng động vật, các kỹ thuật tạo hình, xây dựng bố cục trang trí, phối màu sắc nâng cao.</p>	<p>Foundational Art: The course includes advanced color knowledge, practical research on realistic and stylized flowers, insects, and animals, shaping techniques, building decorative compositions, and advanced color schemes.</p>
<p>Hình hoạ 1: Nghiên cứu vẽ hình họa là môn bắt buộc dành cho sinh viên năm thứ nhất khoa Mỹ Thuật & Thiết Kế, môn học này là nền tảng cho tất cả các môn học liên quan mỹ thuật thị giác. Nó được chia làm 2 giai đoạn bao gồm nghiên cứu vẽ phân tích các khối cơ bản, vẽ và phân tích mẫu tĩnh vật.</p>	<p>Basic Drawing 1: The study of basic drawing is a compulsory subject for first-year Faculty of arts & design students, which is the foundation for all subjects related to the visual arts. It is divided into 2 phases: drawing and analyzing basic blocks and drawing and analyzing still life samples.</p>

PHỤ LỤC I	APPENDIX I
Mô tả tóm tắt của các môn học	Course description
<p>Hình họa 2: Môn học bao gồm lý thuyết và thực hành, nghiên cứu về cơ thể người. Về Lý thuyết, sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản về cơ thể người: tỉ lệ, hình dáng, cấu trúc. Phương pháp vẽ Hình họa người. Về Thực hành, sinh viên được hướng dẫn vẽ bài nghiên cứu hình họa với các mẫu tượng chân dung, tượng toàn thân trên lớp và các bài tập vẽ ký họa ở nhà. Môn học này là học phần bắt buộc dành cho sinh viên năm thứ nhất khoa Mỹ Thuật & Thiết Kế, là nền tảng cho tất cả các môn học liên quan mỹ thuật thị giác. Giúp sinh viên định hình và phát triển các kỹ năng quan sát phân tích, đánh giá và thể hiện những hình ảnh mỹ thuật. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng này vào trong chuyên ngành thiết kế của mình.</p>	<p>Basic Drawing 2: The course includes theory and practice, the study of the human body. In theory, students are taught basic knowledge about the human body: proportion, shape, and structure. Methods of drawing human figures. Regarding Practice, students are guided to draw a definitive study with portraits and full-body models in class and sketching exercises at home. This subject is a compulsory module for first-year students. The first is the Faculty of Fine Arts & Design, which is the foundation for all matters related to the visual arts. Help students shape and develop skills of observation, analysis, evaluation, and expression of fine art images. Apply this knowledge and skills to the student's major.</p>
<p>Tin học ứng dụng 1: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng hai phần mềm thiết kế cơ bản là A. Photoshop và A. Illustrator: Giai đoạn 1, sinh viên sẽ được học sử dụng cơ bản các phần mềm; Giai đoạn 2, sinh viên được hướng dẫn thực hành các bài tập xử lý ảnh theo mẫu phức tạp hơn. Cuối môn, sinh viên làm một bài trắc nghiệm và một bài tập thực hành yêu cầu vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học.</p>	<p>Digital Application 1: The course aims to equip students with knowledge and skills to use two essential design software, A. Photoshop and A. Illustrator: Phase 1, students will learn to use critical software; Phase 2, students are guided to practice more complex image processing exercises. At the end of the course, students take a multiple-choice test and practical training that requires applying the knowledge and skills learned.</p>
<p>Lịch Sử Mỹ Thuật Thế giới: Nội dung chính của môn học bao gồm ba phần: 1. Trình bày khái lược về một số khái niệm, ngôn ngữ các loại hình nghệ thuật tạo hình (Kiến trúc, hội họa, điêu khắc, Đồ họa); 2. Nguồn gốc nghệ thuật; 3. Sự hình thành và phát triển của mỹ thuật Thế giới qua các thời kỳ bao gồm nội dung về các giai đoạn, xu hướng, loại hình nghệ thuật phương Tây từ thế kỷ 9 trước công nguyên đến nay và giới thiệu một số nền mỹ thuật phương Đông bao gồm mỹ thuật Ai Cập cổ đại, mỹ thuật Ấn Độ, Trung Quốc, Campuchia, Nhật Bản...</p>	<p>History of Art: The course's main content consists of three parts: 1. Briefly presenting some concepts and languages of visual arts (Architecture, painting, sculpture, Graphics); 2. Artistic origins; 3. The formation and development of the world's fine arts through the ages, including the content of the periods, trends, and forms of Western art from the 9th century BC to the present and introduce some backgrounds Oriental art includes ancient Egyptian art, Indian art, Chinese art, Cambodia, Japan ...</p>
<p>Lịch Sử Mỹ Thuật Việt Nam: Môn học trình bày về sự hình thành và phát triển của mỹ thuật Việt Nam từ thời kỳ dựng nước cho đến nay, bao gồm hai phần: 1. Mỹ thuật cổ, 2. Mỹ thuật hiện đại. Môn học cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về lịch sử mỹ thuật Việt Nam, đặc điểm của từng giai đoạn mỹ thuật, các tác phẩm tiêu biểu trong kho tàng di sản văn hóa nghệ thuật Việt Nam các loại hình, giai đoạn, xu hướng nghệ thuật hiện đại và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích tác phẩm, khuyến khích sinh viên vận dụng các kiến thức thẩm mỹ để thể hiện trong chuyên ngành của mình.</p>	<p>History of Art (Vietnam): The course presents the formation and development of Vietnamese fine arts from the period of nation-building up to now, including two parts: 1. Ancient fine arts, 2. Modern fine arts. The subject systematically provides knowledge about the history of Vietnamese art, the characteristics of each art period, and typical works in the treasure of Vietnam's cultural and artistic heritage of various types and periods of modern art trends and trends, and trains students in the skills of analyzing works, encouraging students to apply their aesthetic knowledge to express themselves in their major.</p>

PHỤ LỤC I	APPENDIX I
Mô tả tóm tắt của các môn học	Course description
<p>Nghệ Thuật Học: Nội dung chính của học phần gồm: 1. Tổng quan về Nghệ thuật và Nghệ thuật học: Khái niệm và nguồn gốc nghệ thuật, Bản chất hình tượng nghệ thuật, Các thành tố của hoạt động nghệ thuật. 2. Loại hình và đặc trưng ngôn ngữ của các loại hình nghệ thuật chủ yếu: Nghệ thuật ngôn từ (Văn học), Nghệ thuật biểu diễn (Âm nhạc & Múa), Nghệ thuật biểu diễn/tổng hợp (Sân khấu, Nghệ thuật), kỹ thuật (Điện ảnh & Nhiếp ảnh). 3. Tổng quan về Nghệ thuật tạo hình (Mỹ thuật). Môn học cấp một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về các loại hình nghệ thuật chủ yếu. Góp phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng hiểu, khuyến khích sinh viên vận dụng các kiến thức nghệ thuật để thể hiện trong chuyên ngành của mình.</p>	<p>Arts Theory: The main content of the module includes 1. Overview of Art and Art Studies: Concepts and origins of art, Nature of artistic images, Elements of artistic activities. 2. Types and linguistic characteristics of the main art forms: Language Arts (Literature), Performing Arts (Music & Dance), Performing/Synthetic Arts (Stage, Art engineering), technical (Cinema & Photography). 3. Overview of Visual Arts (Fine Arts). The course systematically grants basic knowledge of the major art forms. Contributing to training students in comprehension skills, encouraging students to apply artistic knowledge to express themselves in their major.</p>
<p>Phương pháp sáng tạo: Môn học bao gồm lý thuyết về sự sáng tạo, những phương pháp thúc đẩy tư duy sáng tạo và việc tìm kiếm ý tưởng mới, các kỹ thuật và các công cụ tư duy sáng tạo, đồng thời thực hành sử dụng các kỹ thuật và công cụ ấy.</p>	<p>Methodology of creativity: The course covers the theory of creativity, methods to promote creative thinking and the search for new ideas, techniques and tools for creative thinking, and practice those techniques and tools.</p>
<p>Marketing: Nội dung chính của môn học bao gồm: Chương 1: Tổng quan về marketing (marketing và các chính sách trong marketing; Chương 2: Phần học lý thuyết ứng dụng cho ngành (người tiêu dùng và phân khúc thị trường, Dị biệt và Sáng tạo, Khám phá insight của 1 sản phẩm hoặc 1 nhãn hiệu/ thương hiệu, định vị Nhãn hiệu/Thương hiệu, chiến lược quảng cáo sản phẩm)</p>	<p>Marketing: The course's main content includes Chapter 1: Overview of marketing (marketing and marketing policies; Chapter 2: Applied theory to the industry (consumers and market segments, differentiation, and innovation). Create, Discover insight of 1 product or one brand/brand, Brand/Brand positioning, product advertising strategy)</p>
<p>Luật sở hữu trí tuệ: Học phần giải quyết những lý luận cơ bản về sở hữu trí tuệ; những quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời nội dung học phần còn đề cập đến các quy định của các điều ước quốc tế về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đang có giá trị áp dụng trong giai đoạn toàn cầu hóa hiện nay.</p>	<p>Introduction to Laws on Copyright: The course mentions the fundamental theories of intellectual property; legal provisions on copyright and related rights, industrial property rights, rights to plant varieties; measures to protect intellectual property rights. At the same time, the course content also mentions the provisions of international treaties on the protection of intellectual property rights that are valid in the current period of globalization.</p>
<p>Môi trường và con người: Môn học được xây dựng dành cho sinh viên không chuyên về môi trường, giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức cơ bản về môi trường, mối quan hệ tương hỗ giữa con người và môi trường, cơ sở khoa học môi trường, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu. Nội dung môn học truyền tải trên cơ sở tự nghiên cứu của SV với sự hỗ trợ của GV về nội dung, lộ trình và phương pháp nghiên cứu. Các chủ đề nghiên cứu được phát triển trên cơ sở những nội dung sau: Chương 1: Một số khái niệm cơ bản về môi trường; Chương 2: Ô nhiễm môi trường và các tác động; Chương 3: Các tiếp cận trong bảo vệ môi trường; Chương 4: Giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.</p>	<p>Environment and Humanity: The course is designed for non-environmental students, helping students to acquire basic knowledge about the environment, the interrelationship between people and the environment, environmental science bases, causes and consequences of environmental pollution and climate change, and solutions to reduce pollution and adapt to the impacts of climate change. The content of the course is transmitted based on students' self-study with the support of teachers in terms of content, route, and research methods. Research topics are developed based on the following contents: Chapter 1: Some basic concepts about the environment; Chapter 2: Environmental pollution and impacts; Chapter 3: Approaches in environmental protection; Chapter 4: Mitigation and adaptation to climate change.</p>

PHỤ LỤC I Mô tả tóm tắt của các môn học	APPENDIX I Course description
<p>Trang Trí Cơ Sở Ngành TKTT: Môn học gồm ba phần chính: Giới thiệu môn học; Phần 1: Nghiên cứu và thực hành các kỹ thuật tạo ra họa tiết nguyên liệu: Vẽ máy trên máy tính (sử dụng phần mềm Adobe Illustrator và Adobe Photo-shop) hoặc cái thiết bị và ứng dụng khác tương đương. Các phương pháp thủ công như: vẽ tay, monoprinting, stamping, blockprinting,... Nghiên cứu và thực hành các kỹ thuật số hóa họa tiết nguyên liệu. Thiết kế họa hàng lối, họa tiết nhấn từ họa tiết nguyên liệu dùng để in vải; Phần 2: Ứng dụng các kỹ thuật in cơ bản: in ép nhiệt và in kỹ thuật số để in vải; Phần 3: Làm quen với thị trường vải, phối hợp vải, làm quen với xử lý vải cơ bản để xây dựng bố cục trang trí bằng vải.</p>	<p>Basic Fashion Decorations: The course included three main parts: Introduction of the subject; Part 1: Study and practice techniques to create textures materials: Draw on a computer (using A. Illustrator and A. Photoshop software) or other equivalent devices and applications. Manual handwork methods include hand drawing, mono-printing, stamp printing, block printing, etc. Research and practice the digitalization of ingredient motifs. Design seamless pattern, emphasizing artwork from ingredient motifs to apply for fabric printing; Part 2: Application of basic fabric printing techniques: transfer printing and digital printing; Part 3: Get acquainted with the fabric market, fabric coordination, and basic fabric processing to build decorative fabric artwork layout.</p>
<p>Diễn họa thời trang 1: Môn học trang bị các lý thuyết về diễn họa, diễn họa thời trang: vị trí của diễn họa thời trang trong ngành nghề và các lĩnh vực liên quan. Cung cấp các kiến thức về giải phẫu cơ thể, tỷ lệ người, các đường trục dọc và ngang cơ bản trong diễn họa thời trang. Thực hành kỹ năng diễn họa dáng người, nếp vải, các chi tiết kỹ thuật, đặc tả chất liệu với các loại họa phẩm và họa cụ khác nhau.</p>	<p>Fashion illustration 1: The course covers theories of illustration, fashion illustration: the role of fashion illustration in the industry and related fields. Teaching knowledge of body anatomy, proportions, and essential vertical and horizontal axis in fashion illustration. Practice the skills of rendering figures, fabric folds, technical details, and material specifications with different types of drawing tools.</p>
<p>Diễn họa thời trang 2: Trang bị các lý thuyết về diễn họa, diễn họa thời trang (tiếp theo): đặc điểm của một số phong cách diễn họa tiêu biểu trên thế giới. Thực hành phương pháp số hoá và trình bày bản vẽ diễn họa thời trang bằng phần mềm; Kỹ năng diễn họa bằng cách kết hợp linh hoạt các kỹ thuật diễn họa bằng tay và trên máy tính; Kỹ năng xây dựng phong cách diễn họa cá nhân; Kỹ năng vận dụng hợp lý các phương tiện hỗ trợ để diễn họa hiệu quả các sản phẩm thời trang.</p>	<p>Fashion illustration 2: The course covers theories of fashion animation and visualization (continued): characteristics of some typical styles of fashion illustration in the world. Practice the method of digitizing and presenting fashion illustration by software, Illustration skills by flexibly combining hand-drawn and computer-based Illustration techniques, Skills to build personal Illustration style, and Skill in the rational use of supporting tools to effectively represent fashion looks.</p>
<p>Lịch sử thời trang: Môn học được chia thành 3 chương: Chương 1: Nghệ thuật và Trang phục trước thế kỷ 20; Chương 2: Nghệ thuật và thời trang hiện đại; Chương 3: Nghệ thuật và thời trang hậu hiện đại. Thực hành kỹ năng tìm hiểu, phân tích và trình bày các nội dung của môn học thông qua sổ nghiên cứu sketchnote cá nhân và các bài thuyết trình nhóm.</p>	<p>Fashion history: The course is divided into 3 chapters: Chapter 1: Art and Costume before the 20th century; Chapter 2: Modern art and fashion; Chapter 3: Postmodern art and fashion. Practice searching, analyzing, and presenting course content through individual study sketchnotes and group presentations</p>
<p>Vật liệu may: Môn học được chia thành 3 chương: Chương 1: Thành phần và cấu trúc vải: các kiến thức về các loại xơ sợi từ thực vật, động vật, các loại xơ sợi tổng hợp – nhân tạo; Cấu trúc dệt thoi, dệt kim và cấu trúc không dệt; Chương 2: Các kỹ thuật trang trí bề mặt và xử lý chất liệu: kỹ thuật thêu, kỹ thuật đính kết; Kỹ thuật rút vải, dập ply, patchwork; Kỹ thuật cut and gather; Phụ liệu trong may mặc thời trang; Chương 3: Project môn học: Thực hành thiết kế bề mặt vải mới dựa trên vận dụng các hiểu biết và kỹ năng đã học từ chương 1 và chương 2.</p>	<p>Textile for fashion design: The subject is divided into 3 chapters: Chapter 1: Composition and structure of fabrics: knowledge about fibers from plants, animals, synthetic fibers - man-made fibers; Woven, knitted and non-woven construction; Chapter 2: Surface decoration techniques and fabric manipulating: embroidery techniques, embellish techniques; Fabric shirring, pleating, and patchwork technique; cut and gather technique; garment accessories in fashion design; Chapter 3: Subject project: Practice new fabric surface design based on applying the knowledge and skills learned from chapters 1 and 2.</p>

PHỤ LỤC I Mô tả tóm tắt của các môn học	APPENDIX I Course description
<p>Cơ sở thiết kế thời trang: Môn học được tổ chức dưới dạng chuỗi hoạt động/bài tập nhóm và cá nhân đan xen, qua đó trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng môn học gồm: Các kiến thức tổng quát về ngành thiết kế thời trang; Quy trình thiết kế BST thời trang, các phương pháp nghiên cứu và phát triển ý tưởng trong thiết kế thời trang; Kỹ năng trình bày hệ thống nghiên cứu/thuyết minh đồ án; Kỹ năng thực hiện hồ sơ thiết kế của sinh viên thiết kế thời trang.</p>	<p>Foundation of fashion design: The course is organized in the form of a series of interwoven group and individual activities/assignments, thereby equipping students with subject knowledge and skills including General knowledge about the fashion design industry; Fashion collection design process, methods of research, and idea development in fashion design; Skills in presenting research/project presentation; Skills in making portfolio of fashion design students</p>
<p>Tin học ứng dụng 2 (Illustrator): Môn học giới thiệu bộ công cụ nâng cao của phần mềm Adobe Illustrator (AI): Giảng dạy kỹ thuật vẽ raster phẳng và bản vẽ kỹ thuật thời trang, kỹ thuật thiết kế pattern trên máy; Giảng dạy phương pháp trình bày bản vẽ kỹ thuật thời trang và bản vẽ phác thảo mẫu thiết kế.</p>	<p>Digital Application 2 (Illustrator): The course introduces the advanced toolkit of Adobe Illustrator (AI): Teaching flat pattern drawing techniques, fashion technical drawings, and pattern design techniques on the machine; Teaching how to present fashion technical drawings and design sketch drawings.</p>
<p>Kỹ thuật cắt may 1: Môn học bao gồm các kiến thức về kỹ thuật may cơ bản, kỹ năng thiết kế dựng hình raster mẫu, mối liên hệ giữa hệ thống nhân trắc và cấu trúc trang phục, thực hành may các sản phẩm áo váy cơ bản từ đó vận dụng linh hoạt trong các mẫu thiết kế trang phục, thiết kế bảng vẽ kỹ thuật. Bên cạnh đó, môn học tích hợp kỹ năng lựa chọn nguyên phụ liệu phù hợp cho sản phẩm trang phục nữ.</p>	<p>Pattern making 1: The subject includes knowledge of basic sewing techniques, skills in making patterns, the relationship between anthropometric and clothes structure, practicing sewing basic clothes products from which to flexible apply in fashion designs and technical drawing. In addition, the subject integrates skills in choosing suitable materials for women's clothing products.</p>
<p>Kỹ thuật cắt may 2: Nội dung chính của môn học bao gồm: Phần 1: Hệ thống tỉ lệ nhân trắc nữ trong thiết kế áo đầm, áo de-coup và quần tây nữ. Hình dạng cơ thể nữ phổ biến và sự phù hợp của phom dáng trang phục với mỗi hình dạng cơ thể; Phần 2: Phương pháp lấy số đo, kỹ thuật thiết kế dựng hình 3D, hệ thống công thức 2D các sản phẩm: áo đầm, áo de-coup và quần tây nữ; Phương pháp nhảy size đầm nữ và quần tây nữ; Phần 3: Thiết kế hoàn thiện raster bán thành phẩm cho sản phẩm áo đầm, áo de-coup và quần tây nữ. Lựa chọn nguyên phụ liệu, cắt và hoàn thiện may sản phẩm áo và váy nữ hai lớp theo đúng quy trình chuẩn.</p>	<p>Pattern making 2: The course's main content includes Part 1: The female anthropometric ratio system in the design of women's dresses, de-coups, and trousers. Common female body shapes and suitability for each body shape; Part 2: Measurement method, 3D rendering design technique, 2D formula system of products: dress, de-coup shirt, and women's trousers; The method of jumping the size of women's dresses and women's trousers; Part 3: Finishing design of semi-finished products for women's dresses, de-coups, and trousers. Selection of raw materials, cutting and finishing sewing of two-layer women's shirts and skirts according to standard procedures.</p>
<p>Kỹ thuật cắt may 3: Môn học bao gồm các kiến thức về kỹ thuật may hoàn thiện sản phẩm trang phục nam, kỹ năng thiết kế dựng hình raster mẫu, mối liên hệ giữa hệ thống nhân trắc và cấu trúc trang phục, thực hành may các sản phẩm áo, quần cơ bản từ đó vận dụng linh hoạt trong các mẫu thiết kế trang phục, thiết kế bảng vẽ kỹ thuật. Bên cạnh đó, môn học tích hợp kỹ năng lựa chọn nguyên phụ liệu phù hợp cho sản phẩm trang phục nam</p>	<p>Pattern making 3: The subject includes knowledge of sewing techniques to finishing men's clothing, skills in making patterns, the relationship between anthropometric and men's clothes structure, practice of sewing men's clothes products from which to lexible apply in fashion designs, and technical drawing. In addition, the course integrates the skill of choosing suitable materials for men's clothing products</p>
<p>Thiết kế thời trang 1: Môn học được tổ chức dưới hình thức đồ án môn học, trong đó, Sinh viên được hướng dẫn áp dụng hoàn chỉnh quy trình thiết kế vào 1 dự án thiết kế bộ sưu tập trang phục thời trang xuân hè.</p>	<p>Fashion Design 1: The course is organized in the form of a course project, in which, students are guided to apply the complete design process to a project to design a spring-summer fashion collection.</p>

PHỤ LỤC I Mô tả tóm tắt của các môn học	APPENDIX I Course description
<p>Thiết kế Thời trang 2: Môn học được tổ chức dưới hình thức đồ án môn học, trong đó, Sinh viên được hướng dẫn áp dụng hoàn chỉnh quy trình thiết kế vào 1 dự án thiết kế bộ sưu tập trang phục thời trang thu đông.</p>	<p>Fashion Design 2: The course is organized in the form of a course project, in which, students are guided to apply the complete design process to a project to design a autumn-winter fashion collection.</p>
<p>Thiết kế thời trang 3: Môn học được tổ chức dưới hình thức đồ án môn học, trong đó, Sinh viên được hướng dẫn áp dụng hoàn chỉnh quy trình thiết kế vào 1 dự án thiết kế bộ sưu tập trang phục nghệ thuật.</p>	<p>Fashion Design 3: The course is organized in the form of a subject project, in which students are guided to apply the complete design process to a project of designing an artistic fashion collection.</p>
<p>Nhiếp ảnh: Môn học bao gồm các kiến thức về tổng quan về cấu trúc của máy ảnh khẩu độ, tốc độ, iso; Bố cục và tạo hình trong nhiếp ảnh trong nhiếp ảnh; Các thể loại trong nhiếp ảnh; Chụp ảnh ngoại cảnh chủ đề tự do; Chụp ảnh chân dung ngoại cảnh; Chụp ảnh bộ (phóng sự) (ẩm thực, văn hóa, đời sống); Chụp phối sáng; Chụp chân dung & sản phẩm trong studios; Quản lý và chỉnh sửa cơ bản sản phẩm trên phostoshop.</p>	<p>Electives 1: Photography: The course covers the general knowledge of the structure of the camera aperture, speed, iso; Composition and shaping in photography within photography; Genres in photography; Free subject outdoor photography; Outdoor portrait photography; Take photos collection (reportage) (food, culture, life); Exposure shooting; Shoot portraits & products in studios; Manage and basic edit products on photoshop.</p>
<p>Nghệ thuật trang điểm: Môn học gồm các giai đoạn Giai đoạn 1: Giới thiệu nhập môn nghệ thuật trang điểm, các loại dụng cụ cơ bản và nâng cao, giới thiệu kỹ năng tư vấn khách hàng; Giai đoạn 2: Các lý thuyết trang điểm cơ bản sử dụng dụng cụ trang điểm cơ bản và nâng cao, thông qua các bài tập thực hành ứng dụng lý thuyết tại lớp; Giai đoạn 3: Áp dụng các kỹ năng cơ bản, sáng tạo mẫu trang điểm phù hợp với chân dung khách hàng, tính cách và hoàn cảnh sử dụng; Trong quá trình học tập, sinh viên được rèn luyện phương pháp làm việc với khách hàng, xây dựng mối quan hệ hợp tác hiệu quả.</p>	<p>Electives 1: Make up: The course consists of stages. Stage 1: Introduction to the art of makeup, basic and advanced tools, and customer consulting skills; Stage 2: Basic makeup theories using basic and advanced makeup tools through practical exercises to apply theory in class; Stage 3: Applying basic skills, creating makeup samples suitable for the customer's portrait, personality, and usage situation; During the learning process, students are trained in working methods with customers, building effective cooperative relationships.</p>
<p>Thiết kế trang phục thể thao: Môn học bao gồm những nội dung chính sau: Hướng dẫn để nghiên cứu các thể loại trang phục thể thao phổ biến, các loại vải và cách sử dụng trong thể thao, các nguyên phụ liệu, kỹ thuật thể hiện mẫu thật của thể loại trang phục thể thao; Thiết kế bộ sưu tập trang phục thể thao dựa trên phân tích ý tưởng thiết kế và lấy người dùng làm trọng tâm. Phân tích thông số của trang phục của các môn thể thao phổ biến và các trang phục mang phong cách thể thao. Trình bày hệ thống mẫu được vẽ kỹ thuật; Thiết kế rập và may 1 áo Polo (Nam hoặc nữ); Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu mẫu, kỹ năng vẽ tay, kỹ năng vẽ máy, kỹ năng trình bày bảng vẽ kỹ thuật.</p>	<p>Electives 2: Sportswear design: The course covers the following main topics: A guide to studying popular sportswear genres, fabrics and their uses in sport, materials, and techniques for making sports clothes; Design a sportswear collection based on analysis of design ideas and focus on users. Parameter analysis of popular sportswear and sportswear. Present the system of technical drawings; Pattern design and sewing 1 Polo shirt (Male or female); Practice sample re-search skills, hand drawing skills, machine drawing skills, and technical drawing presentation skills.</p>
<p>Thiết kế trang phục trẻ em: Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến độ tuổi, đặc điểm cơ thể và tâm lý trẻ em trong lĩnh vực lựa chọn và sử dụng trang phục. các hiểu biết cơ bản về các loại trang phục thời trang cho trẻ em các độ tuổi; Kiến thức, kỹ năng lựa chọn vật liệu, kỹ thuật may trên một số dạng vật liệu, kỹ thuật lót liên quan đến cắt may trang phục trẻ em; Kỹ năng liên quan đến nghiên cứu tài liệu, phát triển ý tưởng, phác thảo mẫu thiết kế thời trang trẻ em và thể hiện bảng vẽ kỹ thuật</p>	<p>Electives 2: Kidswear design: The course provides knowledge related to children's age, body characteristics, and psychology in the field of clothing selection and use. the basic understanding of fashion clothes for children of all ages; Knowledge, skills in material selection, sewing techniques on some types of materials, lining techniques related to children's clothing cutting and sewing; Skills related to researching materials, developing ideas, sketching children's fashion designs and demonstrating technical drawings</p>

PHỤ LỤC I Mô tả tóm tắt của các môn học	APPENDIX I Course description
<p>Thiết kế phụ trang: Môn học bao gồm các kiến thức về phụ kiện trong thời trang, xu hướng thiết kế phụ kiện trong thời trang, yêu cầu trong thiết kế phụ trang; Phương pháp nghiên cứu ý tưởng và tìm các giải pháp thiết kế để hoàn thành các bài tập: Bài tập 1: Thiết kế phụ kiện đeo từ chất liệu không sử dụng trong thời trang; Bài tập 2: Thiết kế phụ kiện chứa đựng; Bài tập 3: Thiết kế nón với chất liệu tự do theo chủ đề</p>	<p>Electives 2: Accessories design: The course covers knowledge of fashion accessories, fashion accessory design trends, requirements in accessory design; Methods to research ideas and find design solutions to complete the assignment: assignment 1: Design wearable accessories from materials not used in fashion; assignment 2: Design storage accessories; assignment 3: Design hats with thematic free materials</p>
<p>Tạo mẫu Blazer: Nội dung chính của môn học bao gồm: Sơ lược về sự xuất hiện và phát triển của áo Blazer; Phương pháp thu thập số đo cho sản phẩm áo Blazer. Cấu trúc của áo Blazer; Kỹ thuật thiết kế dựng hình 3D, phương pháp chuyển đổi từ rập vải qua rập giấy, phương pháp biến kiểu thân, bâu, tay của áo Blazer; Thiết kế hoàn thiện rập bán thành phẩm, lựa chọn nguyên phụ liệu, cắt, may hoàn thiện sản phẩm áo Blazer theo đúng quy trình.</p>	<p>Electives 3: Blazer making: The course's main content includes A brief overview of the appearance and development of the Blazer shirt; Method of collecting measurements for Blazer products. Blazer construction; Techniques for designing 3D renderings, the method of converting from fabric pattern to paper pattern, the method of changing the style of the body, cuffs, and sleeves of a Blazer shirt; Design and finishing semi-finished products; selecting materials, cutting and sew Blazer products according to the fitting process.</p>
<p>Tạo mẫu Corset: Nội dung chính của môn học bao gồm: Sơ lược về sự xuất hiện và phát triển của áo Corset nữ; Phương pháp thu thập số đo cho sản phẩm áo Corset nữ. Cấu trúc của áo Corset; Kỹ thuật thiết kế dựng hình 3D, phương pháp chuyển đổi từ rập vải qua rập giấy, phương pháp biến kiểu của áo Corset; Thiết kế hoàn thiện rập bán thành phẩm, lựa chọn nguyên phụ liệu, cắt, may hoàn thiện sản phẩm áo Corset nữ theo đúng quy trình.</p>	<p>Electives 3: Corset Making: The course's main content includes A brief overview of the appearance and development of women's corsets; Method for collecting measurements for women's corset products. The structure of the Corset shirt; Techniques for designing 3D renderings, the method of converting from fabric pattern to paper pattern, the method of transforming the style of Corset shirt; Design and finishing semi-finished products, selecting materials, cut, sew and completing women's corset products according to the fitting process.</p>
<p>Tạo mẫu trang phục dạ hội: Nội dung chính của môn học bao gồm: Sơ lược về sự xuất hiện và phát triển của trang phục dạ hội; Phương pháp thu thập số đo cho sản phẩm trang phục dạ hội. Cấu trúc của trang phục dạ hội; Kỹ thuật thiết kế dựng hình 3D, phương pháp chuyển đổi từ rập vải qua rập giấy, phương pháp biến kiểu của trang phục dạ hội; Thiết kế hoàn thiện rập bán thành phẩm, lựa chọn nguyên phụ liệu, cắt, may hoàn thiện sản phẩm trang phục dạ hội theo đúng quy trình.</p>	<p>Electives 3: Gown Making: The course's main content includes A brief overview of the appearance and development of evening wear; Measurement methods for evening wear products. The structure of the evening gown; Techniques for designing 3D renderings, the method of converting from fabric pattern to paper pattern, the method of changing the style of evening dress; Designing and finishing semi-finished products, selecting raw materials, cutting and sewing to complete evening gown products according to the fitting process.</p>
<p>Nghiên cứu trang phục truyền thống: Nội dung chính của môn học chia làm ba phần bao gồm: Phần lý thuyết: Giới thiệu trang phục của một số dân tộc tiêu biểu tại Việt Nam; Phần đi thực tế: Dựa trên phương pháp nghiên cứu thực địa để nghiên cứu văn hóa, hoa văn, màu sắc, cấu trúc trang phục, quy trình dệt vải thổ cẩm của dân tộc Tà Ôi; Phần thực hành: Thực hành thiết kế rập và may Áo dài cơ bản.</p>	<p>Traditional costume research: The content of the course is divided into three parts: Theory part: Introduction of costumes of some typical ethnic groups in Vietnam; Field trip: Based on field research methods to study the culture, patterns, colors, structure of costumes, brocade weaving process of the Ta Oi ethnic group; Practical part: Practice pattern design and basic Ao Dai sewing.</p>

PHỤ LỤC I Mô tả tóm tắt của các môn học	APPENDIX I Course description
<p>Tự chọn 4: Môn học tự chọn liên ngành, liên khoa: sinh viên tự chọn 1 môn học tối thiểu 2 tín chỉ bất kỳ ngoài ngành học, nhằm phát triển đa dạng sở thích cá nhân, phát triển năng lực giao tiếp đa ngành, đa lĩnh vực.</p>	<p>Electives 4: Optional Subject: Interdisciplinary electives: students choose 1 subject with a minimum of 2 credits different from their field of study, in order to develop a variety of personal interests, and develop multidisciplinary and multi-disciplinary communication skills.</p>
<p>Nghiên cứu chuyên đề thời trang: Môn học yêu cầu sinh viên nghiên cứu tìm kiếm một vấn đề có liên quan đến lĩnh vực thiết kế thời trang, nghiên cứu vấn đề và trình bày kết quả nghiên cứu dưới hình thức một tiểu luận nghiên cứu, tuân thủ nghiêm các yêu cầu trình bày, trích dẫn,... của một tiểu luận khoa học</p>	<p>Thematic research for Fashion design: The course requires students to research an issue relevant to the field of fashion design, then research the issue and present the research findings in the form of a rigorous, research essay. requirements for presentation, citation, etc. of a scientific essay</p>
<p>Đồ án tiền tốt nghiệp: Môn học được phân ra 3 giai đoạn: Giai đoạn 1: Nghiên cứu đề tài (tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn đề tài, phân tích đề tài, nghiên cứu lịch sử vấn đề trong lĩnh vực thiết kế thời trang); Giai đoạn 2: Giải pháp thiết kế (từ kết quả nghiên cứu trên, sinh viên tìm kiếm, đề xuất các giải pháp thiết kế phù hợp, định hướng và thực nghiệm các giải pháp thiết kế đã đề xuất, đánh giá mức độ khả thi của các giải pháp); Giai đoạn 3: Thử nghiệm các giải pháp và trình bày hệ thống đồ án (Phác thảo mẫu trang phục thử nghiệm dựa trên bản nghiên cứu, định hướng thiết kế, Trình bày hệ thống thuyết minh đồ án)</p>	<p>Pre-Graduation Project: The course is divided into 3 phases: Stage 1: Researching the topic (searching, evaluating and selecting topics, analyzing topics, researching the case study of the topic in the field of fashion design); Stage 2: Design solutions (from the above research results, students research and propose appropriate design solutions, orient, and experiment with the solutions, evaluate the feasibility of the solutions); Phase 3: Testing solutions and presenting the project (Sketching sketches based on the research, design orientation, Presenting the presentation boards)</p>
<p>Kiến tập nhận thức nghề: Môn học được tổ chức dưới hình thức một kỳ kiến tập, sinh viên được yêu cầu đến 1 hoặc nhiều đơn vị, tổ chức nghề nghiệp thuộc nhóm các ngành nghề có liên quan trực tiếp với chuyên ngành thiết kế thời trang để quan sát học tập, thông qua hoạt động quan sát và tham gia vào một số hoạt động nghề nghiệp đơn giản, sinh viên sẽ viết báo cáo và thể hiện sự nhận thức của mình về lĩnh vực nghề nghiệp có liên quan, từ đó giúp định hướng các hoạt động học tập để đạt đến mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai.</p>	<p>Internship 1: The course is organized in the form internship, students are required to go to 1 or more professional units and organizations in the group of occupations directly related to the fashion design major for academic observation, through observation and participation in some simple career activities, students will write reports and demonstrate their awareness of the relevant career field, thereby helping to guide learning activities to achieve future career goals.</p>
<p>Thực tập tốt nghiệp: Môn học được tổ chức dưới hình thức một kỳ thực tập trước khi sinh viên tốt nghiệp, sinh viên được yêu cầu đến 1 hoặc nhiều đơn vị, tổ chức nghề nghiệp thuộc nhóm các ngành nghề có liên quan trực tiếp với chuyên ngành thiết kế thời trang để tham gia lao động, thông qua việc tham gia vào một số hoạt động nghề nghiệp, sinh viên sẽ viết báo cáo về lĩnh vực nghề nghiệp có liên quan, từ đó giúp định hướng cho đồ án tốt nghiệp và mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai.</p>	<p>Internship 2: The course is organized in the form of an internship before students graduate, students are required to go to 1 or more professional units and organizations in the group of occupations directly related to the design major. fashion to enter the workforce, through participating in several career activities, students will write reports on relevant career fields, helping to guide graduation projects and career goals in the future.</p>
<p>Đồ án tốt nghiệp: Đồ án được triển khai dưới hình thức 1 dự án mẫu: sinh viên áp dụng quy trình thiết kế tiêu chuẩn để thiết kế và may hoàn chỉnh một bộ sưu tập thời trang bao gồm tối thiểu 4 bộ trang phục phù hợp với khách hàng mục tiêu, loại trang phục và trường hợp sử dụng trang phục, thực hiện thuyết minh trình bày toàn bộ hệ thống đồ án trước hội đồng.</p>	<p>Graduation Project: The project is implemented in the form of a sample project: Students apply the standard design process to design and sew a complete fashion collection including at least 4 outfits suitable for the target customer, type costumes and use cases for fashion, performing presentations and presenting the entire project to the council.</p>

PHỤ LỤC II | Bản đặc tả môn học (đề cương chi tiết) các môn học trong chương trình

APPENDIX II | Course specifications of all courses in the program

Các bản đặc tả môn học (đề cương chi tiết) theo mẫu của nhà trường thiết lập dựa trên các tiêu chuẩn kiểm định khu vực và quốc tế	The university's course specifications template is drafted based on regional and international accreditation standards
Đường link: https://mythuat.vanlanguni.edu.vn/vi/thong-tin-chung/311-de-cuong-chi-tiet-chuong-trinh-dao-tao-nganh-thiet-ke-thoi-trang	Link: https://mythuat.vanlanguni.edu.vn/en/academic/fashion-design-major/33-thong-tin-chung/312-fashion-design-course-specification